**ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA**

**BỘ MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ**



**BÁO CÁO BÀI TẬP NHỎ**

**LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

**ĐỀ TÀI:**

**LÀM RÕ QUÁ TRÌNH HOÀN CHỈNH ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC CỦA ĐẢNG (1930-1945)**

**LỚP DT03 --- NHÓM 07 --- HK243**

**GVHD:** TS. Đào Thị Bích Hồng

Thành phố Hồ Chí Minh – 2025

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **MSSV** | **Họ và tên** | **Nhiệm vụ** | **Đóng góp** |
| 1 | 2312539 | Phạm Bảo Như |  |  |
| 2 | 2310676 | Nguyễn Thành Đạt |  |  |
| 3 | 2313492 | Nguyễn Thanh Toàn |  |  |
| 4 | 1852790 | Nguyễn Văn Tiến |  |  |
| 5 | 2433178 | Nguyễn Văn Phúc Nguyên |  |  |
| 6 | 2313134 | Nguyễn Xuân Thành |  |  |
| 7 | 2213832 | Nguyễn Xuân Tuyền |  |  |
| 8 | 2313946 | Phạm Công Võ |  |  |
| 9 | 2213984 | Phạm Kỳ Vĩ |  |  |

**MỤC LỤC**

[**I.** **CHỦ TRƯƠNG CỦA ĐẢNG TRONG NHỮNG NĂM (1930-1935)** 3](#_Toc202132633)

[**1.** **Luận cương chính trị (10-1930)** 3](#_Toc202132634)

[1.1. Hoàn cảnh ra đời 3](#_Toc202132635)

[1.2. Nhiệm vụ cách mạng 3](#_Toc202132636)

[1.3. Lực lượng cách mạng 4](#_Toc202132637)

[1.4. Phạm vi giải quyết vấn đề dân tộc **5**](#_Toc202132638)

[**NHẬN XÉT:** 6](#_Toc202132639)

[**2.** **Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ Nhất (3-1935)** 8](#_Toc202132640)

[2.1. Hoàn cảnh ra đời 8](#_Toc202132641)

[2.2. Nhiệm vụ cách mạng 8](#_Toc202132642)

[2.3. Lực lượng cách mạng 9](#_Toc202132643)

[2.4. Phạm vi giải quyết vấn đề dân tộc 10](#_Toc202132644)

[**NHẬN XÉT:** 11](#_Toc202132645)

[**TIỂU KẾT** 13](#_Toc202132646)

[**II.** **CHỦ TRƯƠNG CỦA ĐẢNG TRONG NHỮNG NĂM (1936-1939)** 15](#_Toc202132647)

[**1.** **Chủ trương đấu tranh đòi quyền dân chủ dân sinh (7-1936)** 15](#_Toc202132648)

[1.1. Hoàn cảnh ra đời 15](#_Toc202132649)

[1.2. Nhiệm vụ cách mạng 15](#_Toc202132650)

[1.3. Lực lượng cách mạng 16](#_Toc202132651)

[1.4. Phạm vi giải quyết vấn đề dân tộc 17](#_Toc202132652)

[**NHẬN XÉT:** 17](#_Toc202132653)

[**2.** **Chung quanh vấn đề chính sách mới (10-1936)** 19](#_Toc202132654)

[2.1. Hoàn cảnh ra đời 19](#_Toc202132655)

[2.2. Nhiệm vụ cách mạng 19](#_Toc202132656)

[2.3. Lực lượng cách mạng 20](#_Toc202132657)

[2.4. Phạm vi giải quyết vấn đề dân tộc 20](#_Toc202132658)

[**NHẬN XÉT** 20](#_Toc202132659)

[**TIỂU KẾT** 21](#_Toc202132660)

[**III. CHỦ TRƯƠNG CỦA ĐẢNG TRONG NHỮNG NĂM (1939-1945)** 23](#_Toc202132661)

[**1.** **Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 6 (11-1939)** 24](#_Toc202132662)

[1.1. Hoàn cảnh ra đời 24](#_Toc202132663)

[1.2. Nhiệm vụ cách mạng 24](#_Toc202132664)

[1.3. Lực lượng cách mạng 25](#_Toc202132665)

[1.4. Phạm vi giải quyết vấn đề dân tộc 26](#_Toc202132666)

[**NHẬN XÉT:** 28](#_Toc202132667)

[**2.** **Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 7 (11-1940)** 28](#_Toc202132668)

[2.1. Hoàn cảnh ra đời 29](#_Toc202132669)

[2.2. Nhiệm vụ cách mạng 29](#_Toc202132670)

[2.3. Lực lượng cách mạng 30](#_Toc202132671)

[2.4. Phạm vi giải quyết vấn đề dân tộc 31](#_Toc202132672)

[**NHẬN XÉT:** 31](#_Toc202132673)

[**3. Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 8 (5-1941)** 32](#_Toc202132674)

[3.1. Hoàn cảnh ra đời 32](#_Toc202132675)

[3.2. Nhiệm vụ cách mạng 32](#_Toc202132676)

[3.3. Lực lượng cách mạng 32](#_Toc202132677)

[3.4. Phạm vi giải quyết vấn đề dân tộc 33](#_Toc202132678)

[**NHẬN XÉT** 33](#_Toc202132679)

[**TIỂU KẾT** 34](#_Toc202132680)

[**TỔNG KẾT (1930-1945)** 37](#_Toc202132681)

[**TÀI LIỆU THAM KHẢO** 41](#_Toc202132682)

1. **CHỦ TRƯƠNG CỦA ĐẢNG TRONG NHỮNG NĂM (1930-1935)**
2. **Luận cương chính trị (10 - 1930)**
   1. **Hoàn cảnh ra đời**

Tháng 4/1930, đồng chí Trần Phú trở về nước sau thời gian học tập tại Trường Quốc tế Phương Đông. Tháng 10/1930, Trần Phú được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng. Trong thời gian này, đồng chí đã tích cực đi thực tế ở các địa phương như Nam Định, Thái Bình, Hải Phòng để tìm hiểu tình hình phong trào cách mạng trong nước. Từ thực tiễn đó, cùng với việc kế thừa nội dung từ Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt (do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo) và sự chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản, đồng chí Trần Phú đã soạn thảo bản Luận cương Chính trị. Luận cương được thông qua tại Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng (từ ngày 14–31/10/1930 tại Hương Cảng, Trung Quốc). Đây là văn kiện lý luận quan trọng, thể hiện nỗ lực hệ thống hóa tư tưởng cách mạng Việt Nam, mở đường cho việc xác định đường lối chiến lược lâu dài.

### **Nhiệm vụ cách mạng**

Trong Luận cương Chính trị tháng 10/1930, Đảng Cộng sản Đông Dương xác định nhiệm vụ chiến lược của cách mạng là tiến hành **cách mạng tư sản dân quyền**, mang **tính chất thổ địa và phản đế**. Đây là sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác–Lênin vào điều kiện thuộc địa nửa phong kiến ở Đông Dương. Tính chất **thổ địa** phản ánh yêu cầu giải quyết mâu thuẫn giữa nông dân với địa chủ phong kiến thông qua cách mạng ruộng đất triệt để. Tính chất **phản đế** thể hiện nhiệm vụ đánh đổ ách thống trị của thực dân Pháp, giành độc lập dân tộc. Hai mặt này được nhìn nhận có quan hệ mật thiết, không thể tách rời: chỉ khi đánh đổ đế quốc mới có thể xoá bỏ phong kiến và ngược lại. Với định hướng này, Luận cương đặt nền móng cho việc kết hợp giải phóng dân tộc với giải phóng giai cấp, làm tiền đề tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Luận cương còn xác định **đánh đổ phong kiến** là một trong hai nhiệm vụ cốt lõi của cách mạng tư sản dân quyền. Nhiệm vụ này bắt nguồn từ mâu thuẫn sâu sắc giữa **giai cấp nông dân chiếm đại đa số dân cư** và **giai cấp địa chủ phong kiến**, tầng lớp thống trị bóc lột nặng nề trong xã hội nông nghiệp thuộc địa. Đảng cho rằng, để giải phóng nông dân và thực hiện cách mạng ruộng đất triệt để, việc phá vỡ tận gốc **chế độ phong kiến lạc hậu** là yêu cầu tất yếu. Luận cương nhấn mạnh rằng cách mạng thổ địa, trong đó trọng tâm là tịch thu ruộng đất của địa chủ, giáo hội và phân chia lại cho nông dân chính là “**cái cốt**” của cách mạng tư sản dân quyền ở Đông Dương. Đặc biệt, Luận cương chỉ rõ mối quan hệ biện chứng giữa hai nhiệm vụ: **“phải đánh đổ đế quốc thì mới phá được địa chủ phong kiến”, và ngược lại, “muốn đánh đổ đế quốc thì phải phá tan chế độ phong kiến”**. Đây là một luận điểm có tính lý luận sâu sắc, phản ánh nhận thức về tính chất gắn bó hữu cơ giữa hai nhiệm vụ trọng yếu của cách mạng.

Song song với việc đánh đổ phong kiến, **đánh đổ đế quốc Pháp** được Luận cương xác định là một **nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu**. Bởi lẽ, ách thống trị thực dân đã trực tiếp kìm hãm mọi sự phát triển độc lập về chính trị, kinh tế, văn hóa của đất nước, đồng thời bảo trợ và duy trì quyền lực của giai cấp phong kiến tay sai. Thực dân Pháp không chỉ bóc lột tài nguyên, áp bức nhân dân mà còn thiết lập một bộ máy cai trị phản động, cấu kết chặt chẽ với các thế lực phong kiến để duy trì sự thống trị thuộc địa. Luận cương khẳng định rằng chỉ khi **đánh đổ được đế quốc**, cách mạng mới có thể giành lại **quyền tự quyết dân tộc**, mở đường cho việc xây dựng **chính quyền công - nông cách mạng**. Từ đây, nền độc lập dân tộc mới thực sự mang tính chất cách mạng và phục vụ lợi ích đại đa số nhân dân. Mặc dù Luận cương chưa đặt vấn đề dân tộc lên hàng đầu (đây cũng là hạn chế được lịch sử ghi nhận), nhưng rõ ràng việc xác định đánh đổ đế quốc là một trong hai nhiệm vụ chính đã cho thấy tư tưởng chống thực dân, giành độc lập dân tộc là **cốt lõi của tiến trình cách mạng Đông Dương.**

### **Lực lượng cách mạng**

Trong Luận cương Chính trị tháng 10/1930, Đảng Cộng sản Đông Dương đã xác định rõ các lực lượng tham gia vào cuộc cách mạng tư sản dân quyền. Trên nền tảng lý luận Mác – Lênin, Luận cương nhấn mạnh **giai cấp công nhân** là **lực lượng tiên phong**, giữ vai trò lãnh đạo cách mạng. Đây là một nhận định đúng đắn, vừa phản ánh lập trường vô sản cách mạng, vừa phù hợp với thực tiễn phong trào công nhân Việt Nam lúc bấy giờ đang phát triển mạnh mẽ tại các trung tâm công nghiệp như Hải Phòng, Nam Định, Sài Gòn… Cùng với đó, Luận cương đề cao vai trò của **giai cấp nông dân** – lực lượng chiếm hơn 90% dân số và chịu sự bóc lột nặng nề trong xã hội thuộc địa nửa phong kiến. Việc xác định nông dân là **lực lượng chủ lực**, kết hợp chặt chẽ với công nhân trong **liên minh công - nông**, thể hiện nhận thức chính xác về thực tiễn xã hội Việt Nam và yêu cầu tất yếu của cách mạng. Ngoài hai giai cấp chính, Luận cương cũng bước đầu ghi nhận **tiềm năng cách mạng của các tầng lớp khác** như trí thức, tiểu tư sản, thanh niên và phụ nữ. Đây là những lực lượng tuy không giữ vai trò lãnh đạo, nhưng có thể được huy động hiệu quả khi được giác ngộ và tổ chức tốt. Đặc biệt, phụ nữ – “một nửa xã hội” và thanh niên, lực lượng xung kích được xem là những thành tố quan trọng trong việc mở rộng mặt trận cách mạng.

Tuy nhiên, bên cạnh những điểm phù hợp, Luận cương vẫn bộc lộ hạn chế nhất định trong việc xác định lực lượng cách mạng. Đáng chú ý là việc **xem nhẹ vai trò của tư sản dân tộc và tiểu địa chủ**, khi xếp họ vào hàng đối lập với cách mạng. Quan điểm này chưa sát với thực tế Việt Nam, bởi trong bối cảnh dân tộc bị áp bức, một bộ phận trong các tầng lớp trên vẫn có tinh thần yêu nước và khát vọng độc lập, có thể trở thành đồng minh chiến lược. Mặt khác, Luận cương có xu hướng **thiên về đấu tranh giai cấp**, chưa thật sự đặt **vấn đề dân tộc lên hàng đầu,** một yêu cầu cấp thiết trong hoàn cảnh đất nước là thuộc địa. Điều này dẫn đến sự **thu hẹp mặt trận dân tộc thống nhất**, chưa phát huy tối đa sức mạnh của toàn thể dân tộc trong cuộc đấu tranh chống đế quốc. Dù có đề cập đến các tầng lớp ngoài công–nông, nhưng lập trường giai cấp vẫn còn cứng nhắc, chưa đủ linh hoạt để tập hợp trí thức, tôn giáo, tiểu chủ, doanh nhân… vào hàng ngũ cách mạng.

### **Phạm vi giải quyết vấn đề dân tộc**

Việc *Luận cương Chính trị tháng 10/1930* xác định phạm vi cách mạng là trên toàn Đông Dương (bao gồm Việt Nam, Lào và Campuchia) thể hiện tư duy gắn bó với quan điểm quốc tế vô sản và đường lối của Quốc tế Cộng sản. Tuy nhiên, cách tiếp cận này cũng bộc lộ những điểm chưa phù hợp khi đặt vào hoàn cảnh cụ thể của phong trào cách mạng Việt Nam lúc bấy giờ. Trước hết, việc mở rộng cách mạng ra toàn Đông Dương thiếu cơ sở thực tiễn, do điều kiện chính trị – xã hội giữa ba nước có sự chênh lệch rõ rệt. Nếu như phong trào yêu nước ở Việt Nam đã hình thành rõ nét và có tổ chức, thì tại Lào và Campuchia, ý thức dân tộc còn mờ nhạt, phong trào còn manh mún, nặng về tôn giáo và chưa có hệ thống chính trị đối kháng rõ rệt. Do đó, đặt mục tiêu cách mạng đồng thời trên cả ba nước là chưa khả thi. Bên cạnh đó, tư tưởng cách mạng toàn Đông Dương dễ dẫn đến khuynh hướng “trung ương hóa”, áp đặt mô hình Việt Nam lên các nước bạn, làm lu mờ đặc thù và quyền tự quyết của từng dân tộc. Điều này không chỉ làm suy yếu tính thuyết phục của phong trào mà còn cản trở sự phát triển tự nhiên của các tổ chức cách mạng bản địa.

Mặt khác, việc thiết lập một phạm vi đấu tranh thống nhất trên toàn Đông Dương phần nào mâu thuẫn với chính tinh thần “dân tộc tự quyết” mà Quốc tế Cộng sản đề ra. Khi không xây dựng được lộ trình và hình thức tổ chức riêng biệt cho từng dân tộc, khẩu hiệu giải phóng dân tộc dễ rơi vào tính hình thức, xa rời nhu cầu và quyền lợi cụ thể của từng quốc gia. Cuối cùng, trong bối cảnh lực lượng cách mạng Việt Nam còn non trẻ, việc dàn trải phạm vi hoạt động sẽ dẫn đến phân tán lực lượng và mục tiêu. Thay vì tập trung cao độ cho nhiệm vụ giải phóng dân tộc Việt Nam, việc phân tán trên toàn Đông Dương có thể làm suy yếu hiệu quả lãnh đạo.

## **NHẬN XÉT:**

* ***Ưu điểm***

Luận cương chính trị đã kế thừa và khẳng định lại nhiều vấn đề chiến lược quan trọng mà Chính cương vắn tắt và Sách lược vắn tắt (2/1930) đã nêu ra. Văn kiện đã hệ thống hóa một cách toàn diện đường lối cách mạng vô sản ở Việt Nam, thể hiện bước phát triển mới trong tư duy lý luận của Đảng thời kỳ đầu.

Luận cương xác định rõ hai nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Đông Dương là chống đế quốc và chống phong kiến. Văn kiện nhấn mạnh mối quan hệ biện chứng giữa hai nhiệm vụ, cho rằng chỉ khi đánh đổ đế quốc mới có thể xóa bỏ phong kiến, và ngược lại. Đây là điểm nhấn lý luận có giá trị trong việc kết hợp giải phóng dân tộc với giải phóng giai cấp.

Luận cương đề cao vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân, coi đây là lực lượng tiên phong của cách mạng. Đồng thời, giai cấp nông dân được xác định là lực lượng chủ lực, tạo thành liên minh công – nông làm nòng cốt cho phong trào cách mạng. Nhận thức này phù hợp với đặc điểm xã hội Việt Nam lúc bấy giờ – một xã hội nông nghiệp thuộc địa với trên 90% dân số là nông dân.

Văn kiện nêu rõ phương pháp cách mạng là bạo lực cách mạng, xác định cần thành lập chính quyền công – nông. Đây là tư tưởng nhất quán với lập trường cách mạng vô sản, đồng thời phù hợp với thực tiễn đàn áp khốc liệt của chế độ thực dân – phong kiến.

Luận cương khẳng định mối quan hệ gắn bó giữa cách mạng Đông Dương với cách mạng vô sản thế giới. Đảng nhấn mạnh việc liên kết chặt chẽ với giai cấp vô sản quốc tế, đặc biệt là giai cấp công nhân Pháp, thể hiện tinh thần quốc tế vô sản cao độ.

Văn kiện khẳng định vai trò lãnh đạo tuyệt đối của Đảng Cộng sản – lực lượng duy nhất có đủ bản lĩnh chính trị và lý luận để đưa cách mạng đến thành công.

* ***Hạn chế:***

Luận cương chưa xác định đúng mâu thuẫn chủ yếu của xã hội Việt Nam là mâu thuẫn dân tộc. Việc nhấn mạnh mâu thuẫn giai cấp, coi trọng đấu tranh chống phong kiến hơn chống đế quốc, đã khiến Đảng chưa đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, trong khi đây là yêu cầu cấp bách nhất của phong trào cách mạng thuộc địa.

Trong việc xác định lực lượng cách mạng, Luận cương có quan điểm cứng nhắc khi chỉ thừa nhận công – nông là lực lượng cách mạng chủ yếu. Các giai cấp khác như tiểu tư sản, trí thức, tư sản dân tộc và tiểu địa chủ – dù có thể đóng vai trò quan trọng trong mặt trận dân tộc – lại bị xem nhẹ hoặc gạt ra ngoài. Điều này thu hẹp khả năng đoàn kết dân tộc, làm giảm sức mạnh tổng hợp của phong trào.

Văn kiện xác định phạm vi cách mạng trên toàn Đông Dương, bao gồm cả Lào và Campuchia. Dù mang tính quốc tế vô sản và phản ánh tinh thần đoàn kết các dân tộc, nhưng chủ trương này thiếu cơ sở thực tiễn, bởi tình hình chính trị và phong trào đấu tranh ở ba nước rất khác nhau. Việc dàn trải phạm vi cách mạng dẫn đến phân tán lực lượng và mục tiêu.

Luận cương chịu ảnh hưởng mạnh từ tư tưởng “tả khuynh” của Quốc tế Cộng sản, đặc biệt là chính sách “vô sản hóa”. Điều này dẫn đến tư duy giáo điều, máy móc, thiên về đấu tranh giai cấp, thiếu tính linh hoạt trong sách lược và tổ chức lực lượng phù hợp với điều kiện cụ thể ở Việt Nam.

1. **Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ Nhất (3-1935)**
   1. **Hoàn cảnh ra đời**

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ Nhất (3-1935) là một sự kiện lịch sử trọng đại, đánh dấu sự phục hồi kỳ diệu của Đảng sau giai đoạn bị kẻ thù đàn áp khốc liệt, được ví như “lửa thử vàng” của cách mạng Việt Nam.

Bối cảnh thế giới lúc bấy giờ rất phức tạp, với cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933 làm sâu sắc thêm mâu thuẫn ở các nước thuộc địa, cùng sự trỗi dậy của chủ nghĩa phát xít. Tại Đông Dương, sau cao trào cách mạng 1930-1931, thực dân Pháp tiến hành chính sách “khủng bố trắng” vô cùng tàn bạo, khiến hệ thống tổ chức của Đảng từ Trung ương đến địa phương gần như bị phá vỡ hoàn toàn.Tuy nhiên, với sức sống mãnh liệt, các đảng viên còn lại đã kiên trì gây dựng lại phong trào. Quá trình phục hồi từng bước được củng cố, đặc biệt với sự ra đời của Ban lãnh đạo hải ngoại do đồng chí Lê Hồng Phong đứng đầu, đóng vai trò của một Ban Chấp hành Trung ương lâm thời để thống nhất lại các tổ chức. Sự hồi phục này đã đặt ra yêu cầu cấp bách phải tiến hành một Đại hội toàn quốc nhằm thống nhất ý chí và hành động trong toàn Đảng, đề ra đường lối chính trị cho giai đoạn mới và bầu ra Ban Chấp hành Trung ương chính thức để lãnh đạo cách mạng

* 1. **Nhiệm vụ cách mạng**

Tại Đại hội lần thứ Nhất, Đảng đã xác định rằng mọi nhiệm vụ cách mạng trước hết phải được xây dựng trên một nền tảng vững chắc. Nền tảng đó bao gồm hai nhiệm vụ cấp thiết: một là, củng cố và phát triển Đảng để có một đội tiên phong đủ sức lãnh đạo; hai là, tập hợp, giác ngộ và tổ chức quảng đại quần chúng, đặc biệt là công nông, để xây dựng lực lượng cho cách mạng.

Trên cơ sở đó, Đại hội đã triển khai chi tiết hai nhiệm vụ chiến lược:

***Về nhiệm vụ chống đế quốc****,* đây được xác định là nhiệm vụ trọng yếu, được cụ thể hóa bằng những chủ trương chiến lược và sách lược rõ ràng. Về chiến lược, Đại hội đề ra việc thành lập "Mặt trận Dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương". Mục tiêu của mặt trận này là quy tụ không chỉ công nông mà còn tất cả các giai cấp, đảng phái, đoàn thể và cá nhân yêu nước có tinh thần chống Pháp, nhằm tạo ra một sức mạnh toàn dân tộc để cô lập và tấn công kẻ thù chính. Về sách lược, trước nguy cơ của chủ nghĩa phát xít, Đảng đưa ra khẩu hiệu đấu tranh trước mắt là "chống chiến tranh đế quốc". Khẩu hiệu này vừa giúp Đảng tập hợp được những lực lượng rộng rãi yêu chuộng hòa bình, vừa vạch trần bộ mặt hiếu chiến của đế quốc, đồng thời gắn cuộc đấu tranh của dân tộc với phong trào chung của thế giới.

Song song đó, ***nhiệm vụ chống phong kiến*** được triển khai một cách khôn khéo, phù hợp với thực lực của cách mạng lúc bấy giờ. Thay vì đặt ra ngay vấn đề cách mạng ruộng đất triệt để, Đại hội chủ trương tập trung lãnh đạo quần chúng đấu tranh đòi các quyền lợi dân sinh, dân chủ hàng ngày. Các hình thức đấu tranh như đòi giảm tô, giảm thuế cho nông dân, đòi tăng lương, giảm giờ làm cho công nhân được đẩy mạnh. Mục đích của chủ trương này là thông qua việc giải quyết những yêu cầu kinh tế thiết thực để cải thiện đời sống quần chúng, qua đó xây dựng lòng tin, tổ chức và rèn luyện họ. Từ các cuộc đấu tranh kinh tế đó, Đảng sẽ từng bước nâng cao ý thức chính trị của quần chúng, hướng họ đến các cuộc đấu tranh cao hơn nhằm vào kẻ thù đế quốc, thực hiện mục tiêu cuối cùng là giành độc lập dân tộc.

* 1. **Lực lượng cách mạng**

Nếu việc xác định nhiệm vụ là vạch ra "phải làm gì", thì việc xác định lực lượng cách mạng chính là trả lời cho câu hỏi chiến lược "lấy ai để làm và tập hợp họ như thế nào?". Nghị quyết Đại hội I đã thể hiện một tư duy sắc bén về việc xây dựng và tổ chức “đạo quân chính trị của cách mạng”, một lực lượng hùng hậu dựa trên nền tảng vững chắc và được quy tụ trong một mặt trận thống nhất.

Nền tảng và là khối nòng cốt của đạo quân ấy được Đại hội khẳng định là *liên minh công - nông*. Đây không phải là một sự kết hợp mang tính tình thế mà dựa trên cơ sở phân tích giai cấp sâu sắc theo lý luận Mác-Lênin. Giai cấp công nhân, dù chiếm số lượng nhỏ trong xã hội thuộc địa, nhưng với vai trò đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến, có tính tổ chức và kỷ luật cao, cùng tinh thần cách mạng triệt để nhất, được xác định là giai cấp lãnh đạo. Trong khi đó, giai cấp nông dân, chiếm đại đa số dân cư và là nạn nhân trực tiếp của ách

áp bức kép từ đế quốc và phong kiến, được xem là lực lượng đông đảo nhất và là người đồng minh tự nhiên, trung thành nhất của giai cấp công nhân. Sự liên minh chiến lược này chính là cơ sở đảm bảo cho tính triệt để, tính quần chúng rộng rãi và sức mạnh bền bỉ của cách mạng. Tuy nhiên, tư duy của Đảng không chỉ giới hạn ở khối liên minh nòng cốt. Nhận thức rằng cuộc đấu tranh chống đế quốc là sự nghiệp của toàn dân tộc, Đại hội chủ trương phải mở rộng lực lượng, đoàn kết mọi tầng lớp và giai cấp có tinh thần yêu nước. Các nghị quyết chuyên đề về công tác vận động trong các giới như thanh niên, phụ nữ, binh lính, các dân tộc ít người và lôi kéo cả tầng lớp tiểu tư sản, trí thức, tư sản dân tộc... chính là những kế hoạch chi tiết để thu hút mọi nguồn lực xã hội vào cuộc đấu tranh chung, không để kẻ thù có cơ hội chia rẽ, cô lập cách mạng.

Để biến sự đồng tình của các lực lượng đa dạng này thành một sức mạnh vật chất có tổ chức, Đại hội đã đề ra một sách lược thiên tài: thành lập *Mặt trận thống nhất phản đế*. Mặt trận không chỉ là một khẩu hiệu, mà là hình thức tổ chức và phương thức tập hợp lực lượng hiệu quả nhất trong bối cảnh một nước thuộc địa có nhiều giai cấp. Nguyên tắc hoạt động của Mặt trận là "cầu đồng, tồn dị" – tìm ra mẫu số chung lớn nhất là lòng yêu nước và tinh thần chống đế quốc để đoàn kết, đồng thời tạm gác lại những khác biệt về lợi ích giai cấp. Quan trọng hơn cả, Mặt trận này phải được đặt dưới sự lãnh đạo chặt chẽ của Đảng Cộng sản. Chính yếu tố này, với vai trò là “linh hồn” của Mặt trận, đã đảm bảo cho phong trào đi đúng phương hướng cách mạng, không chệch sang con đường cải lương, thỏa hiệp, và trở thành công cụ sắc bén để Đảng thực hiện vai trò tiên phong của mình.

* 1. **Phạm vi giải quyết vấn đề dân tộc**

*Về không gian địa lý,* Đại hội xác định cuộc đấu tranh cách mạng được đặt trong khuôn khổ toàn cõi Đông Dương. Quyết định này không chỉ xuất phát từ tên gọi của Đảng mà bắt nguồn từ thực tiễn lịch sử và nguyên tắc quốc tế vô sản. Thực tế, thực dân Pháp đã xóa nhòa biên giới tương đối giữa ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia, thiết lập một bộ máy cai trị chung và một thị trường chung, biến Đông Dương thành một "nhà tù thuộc địa" thống nhất. Do đó, kẻ thù là chung, và cuộc đấu tranh giải phóng của mỗi dân tộc không thể tách rời nhau, phải phối hợp và hỗ trợ lẫn nhau để đi đến thắng lợi cuối cùng. Đây là sự thể hiện sâu sắc tư duy quốc tế của Đảng, coi cách mạng ba nước là một thể hữu cơ, thống nhất.

*Về chiến lược và mức độ ưu tiên,* đây là điểm thể hiện rõ nhất cả sự kiên định lẫn những hạn chế mang tính lịch sử của Đảng trong giai đoạn này. Đại hội tiếp tục khẳng định đường lối đã được vạch ra trong Luận cương Chính trị (tháng 10/1930), xác định cuộc cách mạng tư sản dân quyền ở Đông Dương phải thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược: chống đế quốc (để giành độc lập dân tộc) và chống phong kiến (để đem lại ruộng đất cho dân cày). Luận cương cho rằng hai nhiệm vụ này có mối quan hệ khăng khít, là "hai mặt của một vấn đề". Hạn chế của đường lối này, tại thời điểm Đại hội I, là việc chưa đặt đúng mức vai trò và vị trí ưu tiên của nhiệm vụ giải phóng dân tộc. Do còn chịu ảnh hưởng từ đường lối chung của Quốc tế Cộng sản lúc bấy giờ - vốn nhấn mạnh cuộc đấu tranh giai cấp để chống lại chủ nghĩa dân tộc tư sản - nên có lúc, có nơi, nhiệm vụ chống phong kiến được đặt ngang hàng, thậm chí cao hơn nhiệm vụ chống đế quốc. Điều này tiềm ẩn nguy cơ làm hạn chế khả năng tập hợp những lực lượng dân tộc rộng rãi nhất, bao gồm cả những giai tầng (như tư sản dân tộc, địa chủ vừa và nhỏ) có mâu thuẫn với đế quốc nhưng chưa sẵn sàng cho một cuộc cách mạng ruộng đất triệt để. Tuy nhiên, cần phải nhìn nhận đây là hạn chế mang tính lịch sử, phản ánh nhận thức của một thời kỳ. Sự kiên định thực hiện cả hai nhiệm vụ này đã thể hiện lập trường giai cấp vô sản rõ rệt của Đảng. Quan trọng hơn, chính từ thực tiễn lãnh đạo cách mạng, Đảng đã dần nhận ra hạn chế này. Phải đến Hội nghị Trung ương 8 (tháng 5/1941), dưới sự chủ trì của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, với tư duy chiến lược "trong lúc này quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy", sự chuyển hướng vĩ đại này mới được hoàn thiện. Khi đó, Đảng đã quyết đoán đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, tạo ra bước ngoặt quyết định cho thắng lợi của Cách mạng tháng Tám.

## **NHẬN XÉT:**

* ***Ưu điểm***

**Có ý nghĩa sống còn, khôi phục lại hệ thống của Đảng:** Đây là thành tựu vĩ đại và quan trọng nhất. Giữa lúc phong trào bị đàn áp khốc liệt, hệ thống tổ chức của Đảng gần như tan rã, việc triệu tập và tổ chức thành công Đại hội đã khẳng định sức sống mãnh liệt của Đảng. Đại hội đã khôi phục lại Ban Chấp hành Trung ương, thống nhất lại các tổ chức Đảng từ trong nước ra ngoài nước, giúp Đảng thoát khỏi nguy cơ bị tiêu diệt.

**Thống nhất ý chí và hành động trong toàn Đảng:** Đại hội đã chấm dứt thời kỳ phân tán, thiếu một cơ quan lãnh đạo chung. Các nghị quyết được thông qua đã thống nhất đường lối, phương pháp và nguyên tắc tổ chức, tạo nên sức mạnh đoàn kết, là cơ sở để Đảng lãnh đạo phong trào trong giai đoạn tiếp theo.

**Đề ra được các nhiệm vụ, sách lược phù hợp với thực tiễn:** Các nhiệm vụ về củng cố Đảng, tập hợp quần chúng, chống chiến tranh đế quốc đều là những vấn đề cấp bách và thực tế. Việc đề ra các sách lược đấu tranh linh hoạt, đặc biệt là chủ trương thành lập Mặt trận phản đế, cho thấy sự trưởng thành trong tư duy lãnh đạo, là bước chuẩn bị trực tiếp cho cao trào cách mạng 1936-1939.

* ***Hạn chế***

**Chưa khắc phục được hạn chế về đường lối chiến lược:** Đây là hạn chế lớn nhất. Đại hội I vẫn chưa vượt qua được quan điểm của Luận cương chính trị (10-1930) về mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ chiến lược. Đại hội chưa đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc (chống đế quốc) lên vị trí hàng đầu một cách dứt khoát, mà vẫn đặt nó ngang hàng với nhiệm vụ cách mạng ruộng đất (chống phong kiến).

**Cơ sở của Mặt trận dân tộc thống nhất còn hẹp:** Do hạn chế về đường lối chiến lược nêu trên, chủ trương về Mặt trận phản đế tuy có bước tiến nhưng vẫn chưa thực sự rộng rãi. Việc chưa đánh giá đúng khả năng cách mạng của các giai tầng khác ngoài công-nông (như tư sản dân tộc, địa chủ vừa và nhỏ yêu nước) đã làm hạn chế khả năng đoàn kết và huy động sức mạnh của toàn dân tộc vào cuộc đấu tranh chung.

# **TIỂU KẾT**

1. **Nhiệm vụ cách mạng: Chống đế quốc và chống phong kiến**

* ***Luận cương Chính trị (10/1930):***
* Xác định cách mạng Việt Nam là cách mạng tư sản dân quyền, mang hai tính chất phản đế và thổ địa.
* Chống đế quốc Pháp là nhiệm vụ trọng tâm để giành lại độc lập dân tộc.
* Chống phong kiến là để giải quyết mâu thuẫn giữa nông dân và địa chủ, thực hiện cách mạng ruộng đất triệt để.
* Hai nhiệm vụ này được xem là gắn bó hữu cơ, không thể tách rời: “Phải đánh đổ đế quốc thì mới phá được địa chủ phong kiến và ngược lại”.
* Hạn chế: Chưa đặt đúng mức nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu trong bối cảnh mâu thuẫn dân tộc là chủ yếu.
* ***Đại hội I (3/1935):***
* Tiếp tục khẳng định hai nhiệm vụ chống đế quốc và phong kiến.
* Chống đế quốc là trọng yếu, thể hiện qua việc thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế để tập hợp toàn dân.
* Chống phong kiến được triển khai linh hoạt: đấu tranh dân sinh, dân chủ như giảm tô, giảm thuế, cải thiện đời sống nông dân.
* Tuy nhiên, vẫn chưa đặt nhiệm vụ chống đế quốc lên hàng đầu một cách dứt khoát, mà đặt ngang với chống phong kiến.

1. **Tập hợp lực lượng cách mạng**

* ***Luận cương Chính trị (1930):***
* Giai cấp công nhân: lực lượng lãnh đạo tiên phong.
* Giai cấp nông dân: lực lượng chủ lực, tạo thành liên minh công – nông.
* Các tầng lớp khác như trí thức, tiểu tư sản, phụ nữ, thanh niên được thừa nhận nhưng chưa rõ ràng, vai trò bị xem nhẹ.
* Tư sản dân tộc và tiểu địa chủ bị xếp vào hàng đối lập – một điểm cứng nhắc, làm thu hẹp mặt trận dân tộc.
* Đại hội I (1935):

**Mở rộng và phát triển tư duy hơn:**

* Liên minh công – nông vẫn là nòng cốt.
* Chủ trương tập hợp rộng rãi các tầng lớp tiểu tư sản, trí thức, tư sản dân tộc, binh lính, phụ nữ, dân tộc thiểu số…
* Thành lập Mặt trận thống nhất phản đế, nguyên tắc “cầu đồng tồn dị” – đồng thuận ở điểm lớn nhất là chống đế quốc.

**Hạn chế:** Tuy đã có bước tiến, nhưng vẫn còn e dè trong việc xem một số giai tầng là lực lượng đồng minh chiến lược thực sự.

1. **Giải quyết vấn đề dân tộc**

* ***Luận cương Chính trị (1930):***
* Xác định phạm vi cách mạng trên toàn Đông Dương (Việt Nam – Lào – Campuchia), theo tinh thần quốc tế vô sản.
* Tuy nhiên, điều này chưa sát với thực tế khi trình độ cách mạng giữa 3 nước không đồng đều.
* Thiếu sự tập trung ưu tiên vào giải phóng dân tộc Việt Nam – vốn là nơi có phong trào mạnh nhất.
* ***Đại hội I (1935):***
* Tiếp tục xác định kẻ thù chung là thực dân Pháp, đấu tranh giải phóng cả 3 nước Đông Dương.
* Vẫn chưa có sự phân biệt rõ ưu tiên dân tộc hay các chính sách cụ thể cho từng dân tộc.
* Giải phóng dân tộc chưa được đưa lên vị trí ưu tiên hàng đầu một cách chiến lược và dứt khoát.
* Phải đến Hội nghị Trung ương 8 (1941), với sự trở lại của Nguyễn Ái Quốc, tư tưởng “giải phóng dân tộc là trên hết” mới thực sự được khẳng định.

1. **CHỦ TRƯƠNG CỦA ĐẢNG TRONG NHỮNG NĂM (1936 - 1939)**

**1. Chủ trương đấu tranh đòi quyền dân chủ dân sinh (7 - 1936)**

* 1. **Hoàn cảnh ra đời**

Từ năm 1929, cuộc Đại khủng hoảng kinh tế toàn cầu đã làm trầm trọng thêm mâu thuẫn xã hội, đẩy đời sống nhân dân vào cảnh khốn cùng và kích thích các phong trào đấu tranh. Đồng thời, sự trỗi dậy của chủ nghĩa phát xít ở Đức, Italia, Nhật Bản đã đe dọa hòa bình thế giới, khiến Quốc tế Cộng sản tại Đại hội VII (7-1935) kêu gọi chống phát xít, chống chiến tranh, bảo vệ dân chủ và thành lập Mặt trận Nhân dân. Tại Đông Dương, chính quyền Pháp vẫn duy trì ách thống trị hà khắc, nhưng sự lên cầm quyền của Mặt trận Bình dân ở Pháp (6-1936) đã tạo ra cơ hội đấu tranh công khai, hợp pháp cho các thuộc địa. Trước tình hình đó, Hội nghị Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương họp tại Thượng Hải (7-1936) và đưa ra chủ trương đấu tranh đòi quyền dân chủ, dân sinh, mở ra một giai đoạn mới cho cách mạng Việt Nam.

* 1. **Nhiệm vụ cách mạng**

Chủ trương đấu tranh tháng 7-1936 thể hiện một sự thay đổi căn bản và linh hoạt trong chiến lược của Đảng, khi chuyển từ nhiệm vụ cách mạng giải phóng dân tộc triệt để sang nhiệm vụ đấu tranh đòi các quyền dân chủ, dân sinh trước mắt.

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 7-1936 đã xác định nhiệm vụ chiến lược trước mắt: chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, chống phản động thuộc địa và tay sai, đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình. Đồng thời xác định kẻ thù trước mắt nguy hại nhất chính là những thành phần phản động thuộc địa và tay sai- một bộ phận kẻ thù của dân tộc.

Ban chấp hành Trung ương xác định, cách mạng Đông Dương vẫn là “cách mạng tư sản dân quyền - phản đế và điền địa - lập chính quyền của công nông bằng hình thức Xô Viết, để dự bị điều kiện đi tới cách mạng xã hội chủ nghĩa”. Trong khi đó, yêu cầu cấp thiết trước mắt của nhân dân ta lúc này là tự do, dân chủ, cải thiện đời sống. Vì vậy, Đảng phải nắm lấy những yêu cầu này để phát động quần chúng đấu tranh, tạo tiền đề đưa cách mạng tiến lên bước cao hơn sau này.

Cụ thể, Đảng tập trung vào các yêu sách thiết thực như: Đòi các quyền tự do dân chủ cơ bản như tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do hội họp, lập hội, đi lại; đòi ân xá tù chính trị, bỏ các đạo luật phản động; đòi giảm sưu thuế, chống sưu cao thuế nặng, giảm tô, giảm tức, chia ruộng đất công cho dân nghèo; đòi tăng lương, giảm giờ làm, cải thiện điều kiện lao động cho công nhân; đòi thực hiện các quyền lợi xã hội khác cho quần chúng lao động; vạch trần âm mưu của chủ nghĩa phát xít và bọn phản động thuộc địa.

* 1. **Lực lượng cách mạng**

Một điểm nổi bật và quan trọng trong chủ trương đấu tranh năm 1936 là sự mở rộng lực lượng cách mạng (LLCM) theo hướng linh hoạt và thực tiễn hơn. Nếu như trong giai đoạn trước (1930–1935), lực lượng nòng cốt chủ yếu là giai cấp công nhân và nông dân, thì đến năm 1936, Đảng chủ trương liên minh với các giai cấp, tầng lớp khác trong xã hội, bao gồm:

***Lực lượng nòng cốt:*** Vẫn là giai cấp công nhân và giai cấp nông dân. Đây là hai giai cấp bị áp bức bóc lột nặng nề nhất dưới ách thống trị của đế quốc và phong kiến, có số lượng đông đảo và ý chí cách mạng cao.

***Tiểu tư sản:*** Bao gồm học sinh, sinh viên, trí thức, viên chức, tiểu thương... Họ cũng chịu ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế, bị chèn ép về quyền tự do và có xu hướng tiến bộ.

***Tư sản dân tộc*:** Một bộ phận tư sản dân tộc cũng có mâu thuẫn với tư bản độc quyền Pháp, bị chèn ép trong làm ăn, và có thể tham gia vào một số phong trào đòi quyền lợi chung.

***Địa chủ yêu nước:*** Một số địa chủ nhỏ và vừa, hoặc những người có tinh thần dân tộc cũng có thể đứng về phía nhân dân trong cuộc đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ.

Tuy vẫn lấy lực lượng nòng cốt là công dân và nông dân, các giải cấp tiểu tư sản, tư sản, đại chủ phong kiến chỉ đóng vai trò liên minh hoặc giữ thái độ trung lập trong thời gian tạm thời. Để đoàn kết rộng rãi các lực lượng này, Đảng đã chủ trương thành lập Mặt trận Dân chủ Đông Dương (tiền thân là Mặt trận Thống nhất Dân chủ). Đây là một tổ chức tập hợp rộng rãi các giai cấp, tầng lớp, các đảng phái, đoàn thể, cá nhân yêu nước có chung nguyện vọng đấu tranh chống phát xít, đòi dân sinh, dân chủ.

* 1. **Phạm vi giải quyết vấn đề dân tộc**

Phong trào diễn ra trên toàn lãnh thổ Đông Dương. Mục tiêu trước mắt được xác định là chống chế độ thuộc địa, chống phát xít và chiến tranh, đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình. Để thực hiện mục tiêu này, Đảng chủ trương thành lập Mặt trận Thống nhất Nhân dân Phản đế Đông Dương (sau đổi thành Mặt trận Dân chủ Đông Dương), nhằm tập hợp rộng rãi quần chúng nhân dân trên toàn Đông Dương. Các phong trào cụ thể như "Đông Dương Đại hội", các cuộc bãi công, mít tinh, đấu tranh nghị trường... đều diễn ra trên phạm vi toàn Đông Dương, không chỉ giới hạn ở Việt Nam. Mặc dù Việt Nam là nơi phong trào phát triển mạnh mẽ nhất, nhưng về mặt chủ trương và phạm vi, đó vẫn là phong trào chung của cả Đông Dương.

## **NHẬN XÉT:**

* ***Ưu điểm:***

Điểm mạnh nổi bật nhất của chủ trương 7-1936 là thể hiện tư duy linh hoạt, thực tiễn và nhạy bén của Đảng trong việc điều chỉnh nhiệm vụ cách mạng từ cách mạng dân tộc dân chủ triệt để sang đấu tranh dân sinh – dân chủ phù hợp với tình hình mới.

Thay vì giữ nguyên đường lối đấu tranh vũ trang trong điều kiện bất lợi, Đảng biết tận dụng thời cơ quốc tế (Mặt trận Nhân dân Pháp thắng cử) và điều chỉnh sách lược đúng lúc, giúp cách mạng thoát khỏi thời kỳ thoái trào (1932–1935).

Đảng đã có bước tiến lớn khi xác định rõ rằng: muốn chiến thắng cách mạng, cần phải mở rộng liên minh, tập hợp lực lượng không chỉ từ công – nông mà còn thu hút trí thức, tiểu tư sản, tư sản dân tộc và cả một số địa chủ tiến bộ. Đây chính là bàn đạp tạo nên khối đại đoạn kết dân tộc với sự liên minh của nhiều giải cấp khác nhau không chỉ còn chú trọng vào mỗi giải cấp công-nông. Việc mở rộng lực lượng tạo ra sự lan tỏa ảnh hưởng của Đảng trong xã hội, nâng cao uy tín, giúp Đảng thoát khỏi thế bị cô lập, đồng thời rèn luyện kỹ năng tổ chức và lãnh đạo quần chúng đông đảo.

Mặc dù không giải quyết trực tiếp toàn bộ vấn đề dân tộc, nhưng việc tập trung vào các quyền dân sinh, dân chủ thiết thực như: cơm áo, việc làm, tự do báo chí, hội họp... là cách thức hiệu quả để khơi dậy tinh thần phản kháng và đấu tranh trong quần chúng.

Việc áp dụng phương pháp đấu tranh linh hoạt, chuyển hình thức từ tổ chức bí mật sang công khai và nửa công khai, hợp pháp và nửa hợp pháp nhằm giúp rèn luyện quần chúng, nâng cao ý thức chính trị, hiểu biết pháp luật, làm cho nhân dân hiểu rõ bản chất áp bức của chế độ thực dân – phong kiến.

* ***Hạn chế:***

Mặc dù phù hợp với hoàn cảnh cụ thể lúc bấy giờ, song việc tạm gác mục tiêu giải phóng dân tộc để chuyển sang nhiệm vụ trước mắt (dân sinh, dân chủ) cũng bộc lộ sự lệ thuộc vào tình hình chính trị nước Pháp – một yếu tố bên ngoài, không ổn định và không bền vững. Từ đó, khiến cho mâu thuẫn cơ bản giữa dân tộc Việt Nam và đế quốc Pháp không giải quyết trực tiếp được, việc tiến hành cách mạng không triệt để. Việc chủ trương đấu tranh hợp pháp và ôn hòa có nguy cơ làm giảm tinh thần đấu tranh cách mạng triệt để, dễ gây ảo tưởng vào lòng “nhân đạo” của thực dân Pháp, từ đó làm lu mờ mục tiêu chính là giành độc lập dân tộc.

Mặc dù chủ trương mở rộng lực lượng là đúng đắn, nhưng thực tế sự liên minh với giai cấp tư sản dân tộc, địa chủ tiến bộ và tiểu tư sản không bền vững do chưa rõ ràng tầm quan trọng của các tầng lớp này trong lực lượng cách mạng, khiến cho họ rất dễ bị dao động, thỏa hiệp với thực dân Pháp nếu quyền lợi của bản thân bị đe dọa.

Việc chỉ đấu tranh đòi các quyền tự do, dân sinh, dân chủ – vốn là những cải cách mang tính cải lương – khiến phong trào thiếu tính triệt để về chính trị và chưa chạm vào gốc rễ của vấn đề là ách thống trị thực dân. Việc không đề cập trực tiếp đến giải phóng dân tộc khỏi ách đô hộ, dù là vì sách lược tạm thời, cũng có thể gây hiểu nhầm trong quần chúng, khiến một bộ phận đánh mất niềm tin vào mục tiêu cuối cùng của cách mạng.

**2. Chung quanh vấn đề chính sách mới (10-1936)**

* 1. **Hoàn cảnh ra đời**

Thắng lợi của Mặt trận Nhân dân Pháp trong cuộc tổng tuyển cử tháng 5-1936 đã có những ảnh hưởng tích cực đến tình hình Đông Dương. Đảng Cộng sản Đông Dương đề ra sách lược mới thành lập Mặt trận Thống nhất nhân dân phản đế, tập hợp rộng rãi quần chúng đấu tranh trong tình hình mới. Ngày 30/10/1936, Đảng Cộng sản Đông Dương công bố văn kiện Chung quanh vấn đề chính sách mới của Đảng. Văn kiện nêu rõ: "Chiến lược của Đảng Cộng sản Đông Dương là phải làm cách mệnh tư sản dân quyền - phản đế và điền địa - lập chính quyền của công nông bằng hình thức Xô viết, để dự bị điều kiện đi tới cách mệnh xã hội chủ nghĩa, đó là mục đích cuối cùng của cuộc cách mệnh trong giai đoạn này". Như vậy, văn kiện “Chung quanh vấn đề chính sách mới” (10/1936) ra đời trong bối cảnh Đảng cần làm rõ hơn phương hướng, nhiệm vụ của cách mạng Đông Dương, nhất là mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ chiến lược: chống đế quốc và chống phong kiến..

* 1. **Nhiệm vụ cách mạng**

Trong văn kiện “Chung quanh vấn đề chiến sách mới” (10/1936), Đảng đã xác định được hai nhiệm vụ quan trọng lúc bấy giờ chính là đánh đổ đế quốc, giải phóng dân tộc và lật đổ chế độ phong kiến. Ở trong văn kiện này, Trung ương cho rằng, “ở một xứ thuộc địa như Đông Dương, trong hoàn cảnh hiện tại, nếu chỉ quan tâm đến sự phát triển của cuộc đấu tranh giai cấp có thể sẽ nảy sinh những khó khăn để mở rộng phong trào giải phóng dân tộc” . Do vậy *“Cuộc dân tộc giải phóng không nhất định phải kết chặt với cuộc cách mạng điền địa...”*. [[1]](#footnote-1)Đảng nhấn mạnh *“Nếu phát triển cuộc tranh đấu chia đất mà ngăn trở cuộc tranh đấu phản đế thì phải lựa chọn vấn đề nào quan trọng hơn mà giải quyết trước. Nghĩa là chọn địch nhân chính, nguy hiểm nhất, để tập trung lực lượng của một dân tộc mà đánh cho được toàn thắng”*[[2]](#footnote-2). Nói tóm lại, nếu như hai cuộc đấu tranh này cản trở lẫn nhau thì ta phải lựa chọn vấn đề nào quan trọng hơn mà giải quyết trước. Những ý tưởng đó, trùng hợp, thống nhất với những luận điểm của Nguyễn Ái Quốc về xác lập vị trí quan trọng hàng đầu của cách mạng giải phóng dân tộc và tìm ra một giải pháp hữu hiệu nhất để xử lý mối quan hệ giữa nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến, phù hợp với đặc điểm của cách mạng Việt Nam. Như vậy, chống đế quốc chính là nhiệm vụ cấp bách, hàng đầu của cách mạng lúc bấy giờ.

* 1. **Lực lượng cách mạng**

Đảng nhận thấy trình độ chính trị và tổ chức quần chúng chưa đạt tới trình độ trực tiếp đánh đổ đế quốc Pháp lập chính quyền công nông, chiến sách của Đảng là lập Mặt trận Nhân dân phản đế rộng rãi bao gồm các giai cấp, đảng phái, đoàn thể chính trị, tín ngưỡng tôn giáo khác nhau "để cùng nhau tranh đấu để đòi những điều dân chủ đơn sơ". Với chiến sách mới, Đảng có thể tập hợp đông đảo quần chúng nhân dân đấu tranh chống đế quốc.

* 1. **Phạm vi giải quyết vấn đề dân tộc**

Trong cuộc vận động dân chủ 1936 - 1939, một giai đoạn đặc biệt của cách mạng Việt Nam, khi yêu cầu bảo vệ hoà bình thế giới và cải cách dân chủ, cải thiện dân sinh trở thành nguyện vọng bức thiết của quần chúng, Tổng Bí thư Hà Huy Tập cùng Ban Chấp hành Trung ương quyết định tạm gác các khẩu hiệu “độc lập dân tộc” và “cách mạng ruộng đất”, thành lập Mặt trận nhân dân Đông Dương nhằm tập hợp rộng rãi mọi lực lượng dân chủ chống phát xít, từ quần chúng cơ bản đến các tầng lớp trên, từ lực lượng dân tộc đến một bộ phận ngoài dân tộc. Tuy nhiên, mục tiêu chưa nhằm đánh đổ toàn bộ kẻ thù của dân tộc, mà chỉ nhằm vào bộ phận nguy hiểm nhất trong kẻ thù của dân tộc; đòi các quyền tự do, dân chủ, cơm áo và hoà bình; triệt để sử dụng các hình thức tổ chức và đấu tranh công khai, hợp pháp, bán công khai, bán hợp pháp, kết hợp với bí mật, bất hợp pháp.

## **NHẬN XÉT**

Văn kiện "Chung quanh vấn đề chính sách mới" (10/1936) của Đảng Cộng sản Đông Dương thể hiện sự điều chỉnh chiến lược quan trọng, ưu tiên nhiệm vụ đánh đổ đế quốc, giải phóng dân tộc là cấp bách và hàng đầu, nhằm tránh cản trở phong trào giải phóng dân tộc khi quá tập trung vào đấu tranh giai cấp. Để thực hiện mục tiêu này, Đảng chủ trương thành lập Mặt trận Nhân dân phản đế rộng rãi, tập hợp các giai cấp, đảng phái, đoàn thể, tín ngưỡng khác nhau để đấu tranh đòi quyền dân chủ cơ bản. Trong giai đoạn 1936-1939, Đảng tạm gác khẩu hiệu "độc lập dân tộc" và "cách mạng ruộng đất", tập trung đòi các quyền tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình, đồng thời sử dụng linh hoạt các hình thức đấu tranh công khai, hợp pháp kết hợp với bí mật, bất hợp pháp. Tuy nhiên, văn kiện này vẫn còn một hạn chế nằm ở phạm vi giải là toàn Đông Dương thay vì Việt Nam. Bởi các nước Đông Dương tuy có chung một kẻ thù là thực dân Pháp, có những điểm giống nhau về văn hóa và phong tục tập quán nhưng chung quy lại đều là những dân tộc khác nhau, mà mỗi dân tộc đều có quyền tự quyết, tự giải phóng dân tộc dành độc lập tự do.

# **TIỂU KẾT**

1. **Nhận thức của Đảng trong hai văn kiện T7/1936 và T10/1936**

Giai đoạn 1936–1939 với 2 văn kiện nổi bật: Chủ trương đấu tranh đòi quyền dân chủ, dân sinh (7/1936) và Chung quanh vấn đề chiến sách mới (10/1936) đã cho thấy Đảng Cộng sản Đông Dương đã có bước phát triển rõ rệt cả trong nhận thức và chiến lược.

***Về nhiệm vụ cách mạng****,* Với văn kiện “Chủ trương đấu tranh đòi quyền dân chủ, dân sinh” (7/1936) đề ra nhiệm vụ trước mắt là chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, chống phản động thuộc địa và tay sai, đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình. Còn với văn kiện “Chung quanh vấn đề chính sách mới” (10/1936) nhấn mạnh chống đế quốc chính là nhiệm vụ cấp bách, hàng đầu của cách mạng lúc bấy giờ. Như vậy, ta có thể thấy rõ, nếu như văn kiện vào T7/1936 vẫn còn đặt thổ địa cách mạng bên trong cách mạng tư sản dân quyền, nhận thức chưa đúng về tình hình cách mạng trên thực tế thì văn kiện vào T10/1936 đã cải thiện được hạn chế này khi phân biệt rạch ròi 2 nhiệm vụ quan trọng của cách mạng: Chống đế quốc và chống phong kiến, tức là tách thổ địa cách mạng ra khỏi cách mạng tư sản dân quyền, chốt lại một nhiệm vụ tiên quyết hàng đầu của dân tộc chính là đánh đuổi đế quốc giành lại độc lập dân tộc, sau đó mới thủ tiêu phong kiến.

***Về lực lượng cách mạng****,* trong văn kiện “Chủ trương đấu tranh đòi quyền dân chủ, dân sinh” (7/1936) lực lượng nòng cốt là giai cấp công nhân và giai cấp nông dân, bên cạnh đó cũng có thêm các giai cấp khác: Tư sản, tiểu tư sản, địa chủ yêu nước... Đến với văn kiện “Chung quanh vấn đề chính sách mới” (10/1936), lực lượng đông đảo vẫn là nông dân và công nhân do chiếm phần lớn dân số và đồng thời cũng có các giai cấp, đảng phái, đoàn thể chính trị, tín ngưỡng tôn giáo khác nhau. Nhìn tổng thể, dường như lực lượng cách mạng ở hai văn kiện là tương đồng. Tuy nhiên ở văn kiện vào T7/1936 vẫn có một hạn chế mà văn kiện vào T10/1936 đã khắc phục được, đó là sự đề cao quá mức vai trò của công nhân và nông dân của văn kiện “Chủ trương đấu tranh đòi quyền dân chủ, dân sinh” khi xem họ là lực lượng nòng cốt của cách mạng trong khi họ hoàn toàn không có quyền lực cũng như địa vị, và điều này đã được giải quyết trong văn kiện “Chung quanh vấn đề chính sách mới” khi chỉ xem lực lượng công nhân và nông dân là lực lượng đông đảo, không phải nòng cốt.

***Về phạm vi giải quyết vấn đề dân tộc****,* cả hai văn kiện trên đều chỉ ra phạm vi hoạt động của cách mạng là trên toàn Đông Dương. Tuy nhiên, đây cũng là một hạn chế của cả hai văn kiện, bởi xét theo tình hình cách mạng thực tế và theo quyền tự quyết của các dân tộc, phạm vi hoạt động của cách mạng Việt Nam phải là nước Việt Nam. Việc bắt người Việt Nam hy sinh tính mạng để đổi lấy độc lập cho dân tộc khác là một điều vô lý, ta chỉ có thể hỗ trợ, giúp đỡ bạn bè láng giềng trong công cuộc cách mạng.

1. **Nhận thức của Đảng trong hai giai đoạn (1930-1935) và (1936-1939)**

Trong giai đoạn 1936-1939, thông qua qua hai văn kiện tiêu biểu: Chủ trương đấu tranh đòi quyền dân chủ, dân sinh (7-1936) và Chung quanh vấn đề chính sách mới (10-1936), nhận thức của Đảng Cộng sản Đông Dương đã có sự điều chỉnh và phát triển đáng kể so với giai đoạn 1930-1935.

***Về nhiệm vụ cách mạng****:* Trong giai đoạn 1936-1939, Đảng đã tập trung vào việc giải quyết đồng thời hai nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến, nhưng có sự ưu tiên hơn cho nhiệm vụ dân chủ, dân sinh trong bối cảnh tình hình thế giới và trong nước có những chuyển biến mới (chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp lên cầm quyền). Thay vì đặt nặng nhiệm vụ giải phóng dân tộc (chống đế quốc) song song với việc lật độ chế độ phong kiến như giai đoạn trước, Đảng đã nhận thấy sự cần thiết phải đấu tranh đòi các quyền dân chủ, dân sinh cơ bản cho quần chúng, coi đây là tiền đề để tiến tới thực hiện các nhiệm vụ cách mạng cao hơn. Các chủ trương như đấu tranh đòi tự do hội họp, lập hội, tự do báo chí, giảm sưu thuế, chống sưu cao thuế nặng, cải thiện đời sống... đều nhằm vào mục tiêu này.

***Về tập hợp lực lượng cách mạng:***Trong giải đoạn 1930-1935, lực lượng cách mạng chủ yếu được xác định là liên minh công-nông. Đảng tập trung vào việc giác ngộ và tổ chức giai cấp công nhân và nông dân, coi đây là lực lượng nòng cốt, quyết định thắng lợi của cách mạng. Các giải cấp địa chủ, tủ sản, tiểu tư sản yêu nước lúc này do nhận thức hạn chế nên không được coi trọng trong lực lượng cách mạng, dẫn đến việc tập hợp lực lượng chưa rộng rãi. Từ 1936-1939, nhận thức được tầm quan trọng của việc mở rộng mặt trận mặt trận dân tộc thống nhất, thay vì chỉ tập trung vào công nhân, nông dân, Đảng đã hướng tới việc đoàn kết cả tư sản dân tộc, tiểu tư sản, địa chủ yêu nước... tạo thành một mặt trận thống nhất rộng lớn. Điều này thể hiện rõ trong chủ trương thành lập Mặt trận Dân chủ Đông Dương, thu hút mọi lực lượng chống phát xít, chống chiến tranh, đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình.

***Về phạm vi giải quyết vấn đề dân tộc:***Ở cả hai giải đoạn, phạm vi đấu tranh của cách mạng vẫn trên toàn Đông Dương. Tuy nhiên thay vì chủ trương đánh đổ hoàn toàn ách thống trị của thực dân Pháp để giành độc lập dân tộc cho cả ba nước Đông Dương ở giải đoạn 1930-1935, với bối cảnh lịch sử giải đoạn 1936-1939 thay đổi (Chủ nghĩa phát xít xuất hiện, Đại hội VII Quốc tế Cộng sản), Đảng đã có sự điều chỉnh chiến lược. Các hoạt động cách mạng chủ yếu tập trung vào đấu tranh dân chủ, dân sinh ở Việt Nam, đồng thời chuyển hình thức từ tổ chức bí mật sang công khai và nửa công khai, hợp pháp và nửa hợp pháp. Các hoạt động đấu tranh đòi quyền dân chủ, dân sinh (như tự do báo chí, hội họp, giảm sưu thuế, cải thiện đời sống công nhân, nông dân...) được đẩy mạnh ở Việt Nam. Khác với giai đoạn trước, vấn đề dân tộc trong giai đoạn này được giải quyết thông qua việc đòi hỏi các quyền dân chủ, dân sinh trong khuôn khổ pháp luật của chính quyền thực dân. Đây được coi là bước chuẩn bị lực lượng, tập dượt chính trị cho quần chúng, tạo tiền đề cho cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc sau này khi thời cơ đến. Đảng tạm gác khẩu hiệu "đánh đổ đế quốc Pháp" để tập trung vào các mục tiêu cụ thể, thực tế hơn nhằm tập hợp lực lượng rộng rãi.\

1. **CHỦ TRƯƠNG CỦA ĐẢNG TRONG NHỮNG NĂM (1939-1945)**
2. **Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 6 (11-1939)**
   1. **Hoàn cảnh ra đời**

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (11/1939) đánh dấu bước ngoặt chiến lược của Đảng Cộng sản Đông Dương, mở ra thời kỳ cách mạng mới: quyết liệt, triệt để và gắn liền với vận mệnh sống còn của dân tộc. Sự bùng nổ của Chiến tranh thế giới thứ hai không chỉ làm sụp đổ Mặt trận Nhân dân chống phát xít ở châu Âu – chỗ dựa quan trọng của phong trào dân chủ Đông Dương – mà còn đẩy Đông Dương đối mặt trực tiếp với hiểm họa xâm lược của phát xít Nhật và sự đàn áp tàn bạo từ thực dân Pháp. Khẩu hiệu “dân sinh, dân chủ, hòa bình” trở nên lỗi thời trong bối cảnh mới, khi mâu thuẫn dân tộc trở thành mâu thuẫn chủ yếu. Trong nước, chiến tranh gây ra khủng hoảng toàn diện: kinh tế kiệt quệ, nông dân lâm vào đói khổ, phong trào cách mạng bị dìm trong máu lửa. Tuy vậy, phong trào dân chủ 1936–1939 đã để lại một di sản quý giá: đội ngũ cán bộ vững vàng, quần chúng giác ngộ, nền tảng tổ chức vững chắc.

Trước bước ngoặt lịch sử ấy, Đảng chủ động chuyển hướng từ đấu tranh dân chủ sang cách mạng giải phóng dân tộc – không chỉ như một phản ứng trước thời cuộc, mà là sự khẳng định tư duy độc lập, bản lĩnh chính trị và năng lực lãnh đạo linh hoạt, nhạy bén. Nghị quyết Trung ương 6 ra đời như một “luận cương chuyển hướng”, xác lập lại đường lối cách mạng phù hợp với thời kỳ chiến tranh và khủng hoảng, đưa cách mạng Đông Dương bước sang trang mới

### **Nhiệm vụ cách mạng**

Trước năm 1939, dưới khẩu hiệu đấu tranh dân chủ, Đảng đã lãnh đạo phong trào rộng khắp chống lại chính sách phản động của chính quyền thuộc địa, đặc biệt trong khuôn khổ Mặt trận Dân chủ. Tuy nhiên, bước sang thời kỳ chiến tranh thế giới, nguy cơ mất nước một lần nữa hiện hữu khi phát xít có thể thôn tính Đông Dương bất cứ lúc nào. Trong hoàn cảnh ấy, Trung ương Đảng xác định rằng mâu thuẫn dân tộc giữa toàn thể nhân dân Đông Dương với đế quốc Pháp là mâu thuẫn chủ yếu và cấp bách nhất. Do đó, nhiệm vụ cách mạng cũng phải chuyển hướng: đặt nhiệm vụ giải*phóng dân tộc*lên hàng đầu, tạm gác hoặc đặt nhiệm vụ chống phong kiến xuống hàng thứ yếu.

Cần kịp thời chuyển cuộc cách mạng từ hình thức dân chủ tư sản sang cách mạng dân tộc chống đế quốc, đưa ra khẩu hiệu đánh đổ đế quốc Pháp và tay sai để giành độc lập dân tộc. Theo VK Đảng toàn tập - Tập 6, *“…Mặt trận dân chủ thích hợp với hoàn cảnh trước kia, ngày nay không còn thích hợp nữa. Ngày nay phải thành lập Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương (M.T.T.N.D.T.P.Đ.Đ.D) để tranh đấu chống đế quốc chiến tranh, đánh đổ đế quốc Pháp và bọn phong kiến thối nát, giải phóng các dân tộc Đông Dương làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập”*[[3]](#footnote-3)*.* (Văn kiện Đảng, T.6, tr.539)

Tuy chống phong kiến không còn là nhiệm vụ cấp thiết, nhưng Đảng vẫn duy trì mục tiêu lâu dài về cải cách ruộng đất, chỉ hoãn lại tạm thời để không phá vỡ khối đại đoàn kết dân tộc. Cụ thể, Đảng tạm gác khẩu hiệu “*Đánh đổ địa chủ, chia ruộng đất cho dân cày*”, thay bằng khẩu hiệu “*Tịch thu ruộng đất của đế quốc và việt gian cho dân cày nghèo*”. Đảng chủ trương trưng thu ruộng đất của địa chủ phản quốc chứ chưa đặt vấn đề xóa bỏ toàn bộ chế độ phong kiến. Cách xử lý này cho thấy sự tỉnh táo chiến lược của Đảng, đặt lợi ích dân tộc lên trên lợi ích giai cấp, đồng thời bảo toàn lực lượng cho một cuộc cách mạng triệt để hơn trong tương lai.

### **Lực lượng cách mạng**

Đặc điểm nổi bật của *Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương* là sự mở rộng tối đa lực lượng tham gia cách mạng. Khác với giai đoạn trước đây chỉ tập trung vào công nhân, nông dân và trí thức tiểu tư sản. Đảng nay chủ trương đoàn kết rộng rãi tất cả các tầng lớp có tinh thần yêu nước và chống đế quốc, bao gồm cả tiểu tư sản thành thị, trung tiểu địa chủ, tư sản dân tộc và thậm chí cả những phần tử trong bộ máy cũ có khuynh hướng phản đế. Trên cơ sở đó, Đảng quyết định thành lập Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương, quy tụ toàn thể nhân dân ba nước Việt Nam - Miên - Lào vào một liên minh chiến đấu thống nhất. Theo VK Đảng toàn tập - Tập 6khẳng định, *“Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế là hình thức liên hiệp tất cả các dân tộc Đông Dương dưới nền thống trị đế quốc Pháp, tất cả các giai cấp, các đảng phái, các phần tử phản đế muốn giải phóng cho dân tộc, để tranh đấu chống đế quốc chiến tranh, chống xâm lược phát xít, đánh đế quốc Pháp, vua chúa bốn xứ và tất cả bọn tay sai của đế quốc…”[[4]](#footnote-4).* (Văn kiện Đảng, T.6, tr.539)

Dù chủ trương mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc, Đảng vẫn kiên định giữ vững vai trò lãnh đạo của giai cấp vô sản. Bởi chỉ có giai cấp công nhân - với đội tiên phong là Đảng Cộng sản - mới đủ bản lĩnh, lý luận và chiến lược để đưa cách mạng đến thắng lợi cuối cùng. Việc liên minh với các tầng lớp khác không phải là sự hòa giải mơ hồ giữa các giai cấp, mà là sự liên kết có định hướng, nguyên tắc, đặt dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân. Đây là biểu hiện sinh động của sự kết hợp biện chứng giữa nhiệm vụ dân tộc và nhiệm vụ giai cấp trong đường lối cách mạng của Đảng ta. Theo VK Đảng toàn tập - Tập 6, *“Không nhận rõ sự cần thiết lãnh đạo của vô sản giai cấp trong cuộc cách mạng tư sản dân quyền… thì không rõ vai trò lãnh đạo của vô sản.”* [[5]](#footnote-5) (Văn kiện Đảng, T.6, tr.542)

Đây là một quan điểm hết sức quan trọng, vì nó thể hiện sự kết hợp biện chứng giữa chiến lược dân tộc và chiến lược giai cấp: trong khi mở rộng mặt trận, không được quên bản chất vô sản của cách mạng. Chính điểm này đã tạo nên tính linh hoạt mà không đánh mất lập trường, một trong những phẩm chất nổi bật của đường lối cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng.

### **Phạm vi giải quyết vấn đề dân tộc**

Một trong những điểm tiến bộ và đặc biệt sắc sảo trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (tháng 11 năm 1939) chính là bước phát triển trong tư duy dân tộc: từ phạm vi dân tộc Việt Nam vươn tới tầm nhìn toàn Đông Dương. Đảng Cộng sản Đông Dương nhận thức rằng, cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc Pháp không thể là hành động đơn tuyến, giới hạn trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam, mà cần trở thành một phong trào thống nhất của cả ba dân tộc bị áp bức – Việt, Miên, Lào – cùng nằm trong hệ thống thuộc địa của thực dân Pháp. Đó là một sự mở rộng không chỉ về mặt địa lý, mà sâu xa hơn là sự mở rộng về mặt nhận thức chiến lược và quan điểm giai cấp đối với vấn đề dân tộc trong thời kỳ cách mạng mới.

Từ nhận thức đó, Nghị quyết đề ra chủ trương thành lập một chính quyền cách mạng thống nhất trên toàn Đông Dương, mang hình thức một nhà nước liên bang – Chính phủ Liên bang Cộng hòa Dân chủ Đông Dương – sau khi đánh đổ được ách thống trị của đế quốc. Theo VK Đảng toàn tập - Tập 6*, “Sau khi đánh đổ đế quốc, thành lập một chính phủ của nhân dân Đông Dương tức là Chính phủ Liên bang Cộng hòa dân chủ Đông Dương…”* [[6]](#footnote-6)(*Văn kiện Đảng, T.6, tr. 541*). Tuy nhiên, chính ở điểm này lại bộc lộ một giới hạn lịch sử tất yếu trong tư duy giải quyết vấn đề dân tộc của Đảng tại thời điểm 1939. Dù đã khẳng định quyền dân tộc tự quyết như một nguyên tắc chính trị tiến bộ, nhưng quyền ấy chưa được trao trọn vẹn cho từng dân tộc một cách riêng biệt, mà được đặt trong khuôn khổ một liên bang chung. Nói cách khác, các dân tộc Việt, Miên, Lào tuy được xác định là bình đẳng, nhưng chưa có cơ chế thể hiện sự tự quyết riêng rẽ, bởi mô hình Liên bang Cộng hòa Dân chủ Đông Dương vẫn mang tính hợp nhất chính trị dưới sự lãnh đạo thống nhất của một chính đảng duy nhất – Đảng Cộng sản Đông Dương.

Dù còn giới hạn, chủ trương lập Liên bang Đông Dương là một bước tiến lớn trong tư duy cách mạng, thể hiện rõ tinh thần quốc tế vô sản và khát vọng giải phóng chung của các dân tộc bị áp bức. Chính từ nền tảng liên kết đó, khối đại đoàn kết Đông Dương được hình thành, tạo nên sức mạnh to lớn trong cuộc đấu tranh chống thực dân, đế quốc. Tư tưởng về quyền dân tộc tự quyết cũng từ đây được phát triển, để rồi đến Hội nghị Trung ương 8 (1941), Đảng mới xác lập dứt khoát quyền độc lập riêng cho dân tộc Việt Nam. Nói cách khác, dù quyền tự quyết còn mang tính tập thể, nhưng chính từ khuôn khổ liên bang ấy, phong trào cách mạng mỗi nước mới có điều kiện củng cố lực lượng, từng bước phát triển và sau này tiến tới thực hiện quyền độc lập dân tộc một cách trọn vẹn hơn.

**NHẬN XÉT:**

Nghị quyết Trung ương 6 (11-1939) đánh dấu bước chuyển mạnh mẽ trong tư duy chiến lược của Đảng Cộng sản Đông Dương. Trước những biến động sâu sắc trong và ngoài nước, Đảng đã thể hiện bản lĩnh vững vàng khi kịp thời điều chỉnh nhiệm vụ trung tâm, đặt giải phóng dân tộc lên hàng đầu như một yêu cầu cấp bách sống còn. Đây là ưu điểm nổi bật của thời kỳ này – một quyết sách sắc sảo, phù hợp với tình hình mới.

Điểm mới nổi bật của giai đoạn này là tư duy cách mạng đã có bước phát triển rõ rệt: Đảng không chỉ xử lý linh hoạt mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến, mà còn mở rộng phạm vi cách mạng ra toàn Đông Dương, đặt nền móng cho tinh thần đoàn kết ba dân tộc Việt – Miên – Lào. Việc xác lập mô hình Liên bang Cộng hòa Dân chủ Đông Dương phản ánh tầm nhìn quốc tế vô sản và khát vọng giải phóng chung của các dân tộc bị áp bức trong khu vực. Đồng thời, đây cũng là thời điểm Đảng định hình rõ hơn về tính chất của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân – một cuộc cách mạng kiểu mới, do giai cấp vô sản lãnh đạo.

Tuy có nhiều chuyển biến tích cực, thời kỳ 1939 vẫn tồn tại những hạn chế nhất định. Về tư duy, quyền dân tộc tự quyết tuy được đề cập, nhưng vẫn đặt trong khuôn khổ một nhà nước liên bang, chưa thể hiện rõ quyền độc lập riêng biệt cho từng dân tộc. Tư duy "*tự quyết trong liên kết*" tuy phù hợp với hoàn cảnh đoàn kết ba nước, nhưng chưa giải quyết triệt để khát vọng tự chủ của mỗi quốc gia. Về thực tiễn, phong trào cách mạng bị tổn thất nặng nề do khủng bố, cơ sở tan rã, lực lượng phân tán, khiến việc triển khai nghị quyết gặp nhiều khó khăn, chưa tạo được sức bật mạnh mẽ trong quần chúng.

Tuy vậy, không thể phủ nhận rằng thời kỳ 1939 đã mở ra một chặng đường chuyển hướng có tính nền tảng, hun đúc ý chí cách mạng, làm giàu thêm kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng, và chuẩn bị về tư tưởng, tổ chức, lực lượng cho giai đoạn bùng nổ sau này. Chính từ nền móng ấy, con đường đi đến thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã được xác lập – đưa dân tộc Việt Nam bước vào kỷ nguyên độc lập và chủ quyền.

1. **Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 7 (11-1940)**
   1. **Hoàn cảnh ra đời**

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ 7, diễn ra từ ngày 6-9/11/1940, Hội nghị do đồng chí Trường Chinh chủ trì đã được tổ chức tại làng Đình Bảng (huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh), là một sự kiện có ý nghĩa bước ngoặt trong lịch sử cách mạng Việt Nam. Trong bối cảnh tình hình thế giới và trong nước có những chuyển biến vô cùng phức tạp. Hội nghị đã đưa ra những quyết sách chiến lược, định hình rõ nét con đường đấu tranh giải phóng dân tộc

**2.2. Nhiệm vụ cách mạng**

***\* Nhiệm vụ chiến lược***

Hội nghị đã tiến hành phân tích sâu sắc mâu thuẫn trong xã hội Việt Nam lúc bấy giờ và xác định một cách dứt khoát về thứ tự ưu tiên của các nhiệm vụ cách mạng. Đây là sự chuyển hướng chiến lược quan trọng nhất, là nhiệm vụ bao trùm tất cả các nhiệm vụ khác. Nghị quyết chỉ rõ kẻ thù chính, cụ thể trước mắt của toàn thể dân tộc Đông Dương là đế quốc phát xít Pháp - Nhật. Đặt nhiệm vụ giải phóng Dân tộc lên hàng đầu, trong lúc này quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc.

***\* Nhiệm vụ cụ thể***

Để thực hiện nhiệm vụ trung tâm, Hội nghị đã đề ra các nhiệm vụ chiến lược cụ thể sau:

1. **Tạm gác khẩu hiệu "Cách mạng ruộng đất", thay bằng các khẩu hiệu phù hợp**

**Mục đích:** Để tập hợp và đoàn kết rộng rãi nhất mọi lực lượng dân tộc, kể cả những địa chủ, phú nông yêu nước, chống lại kẻ thù chung. Nếu tiếp tục khẩu hiệu "đánh đổ địa chủ" sẽ đẩy một bộ phận lực lượng dân tộc về phía kẻ thù.

**Nội dung cụ thể:** Tạm gác khẩu hiệu "*đánh đổ địa chủ, chia ruộng đất cho dân cày*". Thay vào đó, đề ra các khẩu hiệu: "*Tịch thu ruộng đất của đế quốc và Việt gian chia cho dân cày nghèo*", giảm tô, giảm tức, chia lại ruộng đất công một cách công bằng. Chính sách này vừa đảm bảo quyền lợi cơ bản cho nông dân, vừa có thể đoàn kết được các tầng lớp khác.

1. **Thành lập Mặt trận Dân tộc Thống nhất Phản đế Đông Dương**

**Mục đích:** Đây là nhiệm vụ tổ chức then chốt để thực hiện việc đoàn kết toàn dân. Mặt trận có nhiệm vụ liên hiệp hết thảy các lực lượng phản đế ở Đông Dương... ráng sức đập thẳng vào kẻ thù chính.

**Lực lượng:** Bao gồm tất cả các giai cấp, đảng phái, đoàn thể, tôn giáo, các cá nhân yêu nước không phân biệt xu hướng chính trị, nhằm tạo thành một sức mạnh tổng hợp để đánh đuổi Pháp - Nhật.

**Nền tảng:** Mặt trận được xây dựng trên cơ sở khối liên minh công - nông, dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân.

1. **Chuẩn bị Khởi nghĩa Vũ trang là nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng**

Nghị quyết nhận định con đường giải phóng dân tộc chỉ có thể là con đường cách mạng bạo lực. Do đó, việc chuẩn bị cho một cuộc khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng và toàn dân trong giai đoạn hiện tại.

**Nội dung cụ thể:** Duy trì và phát triển đội du kích Bắc Sơn, biến nơi đây thành trung tâm cho các đội du kích khác .Xây dựng các căn cứ địa cách mạng làm chỗ dựa cho lực lượng vũ trang. Chuẩn bị tất cả các điều kiện về chính trị, quân sự và tổ chức để khi thời cơ đến (ví dụ: khi phe đế quốc suy yếu vì chiến tranh, cách mạng thế giới và Trung Quốc thắng lợi) thì có thể phát động một cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền

* 1. **Lực lượng cách mạng**

Trên cơ sở xác định đúng đắn kẻ thù và nhiệm vụ, Hội nghị đã đề ra chủ trương tập hợp lực lượng cách mạng một cách rộng rãi và toàn diện. Nghị quyết tiếp tục nhấn mạnh và khẳng định vai trò lịch sử của liên minh công – nông. Giai cấp công nhân và nông dân, vốn là những tầng lớp bị áp bức, bóc lột nặng nề nhất, chiếm đại đa số dân cư, được xem là lực lượng nòng cốt, là xương sống và là động lực chính yếu của cuộc cách mạng. Sức mạnh của họ là nền tảng vững chắc nhất đảm bảo cho sự thắng lợi của sự nghiệp giải phóng dân tộc.

* Tiểu tư sản thành thị: Bao gồm học sinh, sinh viên, trí thức, tiểu thương, tiểu chủ...
* Tư sản dân tộc và phú nông: Nghị quyết có một bước tiến lớn khi xác định cả những tầng lớp này cũng là một lực lượng của cách mạng, vì họ cũng bị đế quốc chèn ép: "Tư sản bản xứ - kể cả tư sản công nghệ, thương mại và phú nông"
* Một bộ phận trong giai cấp địa chủ: Những địa chủ có tinh thần yêu nước, chống đế quốc cũng được xem là đồng minh: "Địa chủ phản đế"

Các lực lượng khác trong nước và khu vực:

* Hoa kiều : Những người Hoa yêu nước, chống Nhật.
* Cách mạng ở các nước lân bang (Xiêm, Tàu, Ấn Độ, v.v.).
* Cách mạng ở Pháp, ở Nhật": Phong trào cách mạng của nhân dân ngay tại chính quốc của kẻ thù.
  1. **Phạm vi giải quyết vấn đề dân tộc**

Tại hội nghị lần này, nghị quyết nhấn mạnh tầm quan trọng của vấn đề giải quyết dân tộc trong một phạm vi lớn hơn, không chỉ bó hẹp tại Việt Nam mà liên quan mật thiết đến phong trào giải phóng dân tộc tại các nước Đông Dương, coi cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam là một phần của cách mạng giải phóng dân tộc trên thế giới. Điều này được thể hiện rõ qua các điểm sau: Thể hiện qua tên gọi của Đảng và Mặt trận.

**Tên Đảng:** Đảng ta lúc này mang tên là Đảng Cộng sản Đông Dương là tổ chức lãnh đạo phong trào cách mạng của cả 3 nước (Việt Nam, Lào, Campuchia).

**Tên Mặt trận:** Nghị quyết đề ra chủ trương thành lập "Mặt trận Dân tộc Thống nhất Phản đế Đông Dương". Tên gọi này đã trực tiếp xác định phạm vi địa lý và chính trị của cuộc đấu tranh giải phóng là toàn bộ Đông Dương.

Như vậy, từ tên gọi của Đảng, tên gọi của Mặt trận, cho đến việc xác định kẻ thù và mục tiêu, tất cả đều cho thấy phạm vi giải quyết vấn đề dân tộc của Hội nghị 7 là toàn bộ Đông Dương.

## **NHẬN XÉT:**

So với các hội nghị ban chấp trung ương trước đây, hội nghị ban chấp hành trung ương lần thứ 7 có những điểm mới sau:

**Về nhiệm vụ cách mạng:** hội nghị đã xác định và chỉ rõ nhiệm vụ cách mạng cần thực hiện, phù hợp với tình hình chính trị Việt Nam lúc đó. Hội nghị đã nhấn mạnh vào khởi nghĩa vũ trang hơn cùng với việc chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tiến tới cuộc tổng khởi nghĩa.

**Về lực lượng cách mạng:** hội nghị đã xác định rõ ràng và mở rộng về lực lượng cách mạng, từ giai cấp công nhân và nông dân đến tầng lớp tiểu tư sản, trí thức. Đây được xem là một bước tiến lớn trong việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

**Phạm vi giải quyết vấn đề dân tộc:** phạm vi cách mạng giải phóng dân tộc được mở rộng thay vì chỉ bó hẹp trong Việt Nam như những hội nghị trước đây từng xác định.

1. **Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 8 (5-1941)**
   1. **Hoàn cảnh ra đời**

Tháng 5 năm 1941, Nguyễn Ái Quốc (Hồ Chí Minh) về nước trực tiếp chủ trì Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Pác Bó, Cao Bằng. Sự kiện này đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong sự lãnh đạo của Đảng, khi tình hình thế giới và trong nước đòi hỏi sự chuyển hướng mạnh mẽ và triệt để hơn.

* 1. **Nhiệm vụ cách mạng**

Hội nghị khẳng định nhiệm vụ chủ yếu trước mắt là giải phóng dân tộc. Văn kiện hết sức nhấn mạnh mâu thuẫn chủ yếu đòi hỏi phải được giải quyết cấp bách là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc phát xít Nhật - Pháp. Hội nghị quyết định xúc tiến chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang, coi đây là nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng và toàn dân trong giai đoạn cách mạng hiện tại. Đồng thời, Hội nghị tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, thay bằng khẩu hiệu giảm tô, giảm thuế, chia lại ruộng công, tiến tới người cày có ruộng.

* 1. **Lực lượng cách mạng**

Hội nghị quyết định thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (Việt Minh) thay cho Mặt trận Thống nhất phản đế Đông Dương. Chủ trương tập hợp mọi lực lượng chống đế quốc và bè lũ tay sai vào mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi, "*không phân biệt công nhân, nông dân, phú nông, địa chủ, tư sản bản xứ, ai yêu nước thương nòi sẽ đoàn kết mặt trận, tập hợp mọi lực lượng giành độc lập tự do cho dân tộc”*[[7]](#footnote-7). Các Hội phản đế được đổi tên thành Hội Cứu quốc để phù hợp với mục tiêu giải phóng dân tộc.

* 1. **Phạm vi giải quyết vấn đề dân tộc**

Đây là điểm mới và quan trọng nhất của Hội nghị này. Hội nghị quyết định giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước Đông Dương, thực hiện quyền dân tộc tự quyết. Sau khi đánh đuổi Pháp – Nhật sẽ thành lập Chính phủ nhân dân của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

## **NHẬN XÉT**

Hội nghị 8 đã hoàn chỉnh sự chuyển hướng chiến lược và sách lược đề ra từ Hội nghị Trung ương 11/1939. Hội nghị đã khắc phục triệt để hạn chế của Luận cương chính trị tháng 10 năm 1930. Nó tái khẳng định con đường cách mạng giải phóng dân tộc đúng đắn đã được vạch ra trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng và lý luận cách mạng giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc. Điều này đóng vai trò là ngọn cờ dẫn đường cho toàn thể nhân dân Việt Nam đẩy mạnh chuẩn bị lực lượng, tiến lên trong sự nghiệp đánh Pháp, đuổi Nhật, giành độc lập, tự do.

Hội nghị này đại diện cho đỉnh cao của quá trình tiến hóa chiến lược của Đảng, đạt được sự tái sắp xếp hoàn chỉnh các ưu tiên cách mạng phù hợp với mâu thuẫn dân tộc chính yếu. Sự lãnh đạo trực tiếp của Hồ Chí Minh đóng vai trò then chốt trong việc áp dụng lý luận một cách thực dụng và linh hoạt này, dẫn đến việc hình thành một mặt trận dân tộc thực sự rộng lớn. Điều này đã hoàn thiện đường lối giải phóng dân tộc, làm cho nó trở nên cực kỳ hiệu quả cho Cách mạng Tháng Tám.

# **TIỂU KẾT**

Giai đoạn 1939-1945 là giai đoạn Đảng hoàn chỉnh đường lối cách mạng giải phóng dân tộc, với những chuyển biến mang tính quyết định.

1. **Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 6 (11-1939):**

**Điểm mới:** Hội nghị đã xác định nhiệm vụ, mục tiêu trước mắt là đánh đổ đế quốc và tay sai, giải phóng các dân tộc ở Đông Dương, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập. Đặc biệt, Hội nghị quyết định tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, chỉ nêu khẩu hiệu chống tô cao, lãi nặng để tập trung vào nhiệm vụ giải phóng dân tộc. Về lực lượng, Hội nghị quyết định thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương thay cho Mặt trận Dân chủ Đông Dương, mở rộng hơn nữa lực lượng cách mạng.

**Mức độ khắc phục hạn chế:** Hội nghị đã khắc phục đáng kể hạn chế "tả khuynh" của Luận cương chính trị tháng 10 năm 1930 về việc đặt ngang hàng hai nhiệm vụ phản đế và phản phong, bằng cách ưu tiên nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu. Hạn chế về việc xây dựng mặt trận hẹp hòi cũng được khắc phục thông qua việc mở rộng mặt trận. Tuy nhiên, phạm vi giải quyết vấn đề dân tộc vẫn là toàn Đông Dương.

1. **Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 7 (11-1940):**

**Điểm mới:** Hội nghị tiếp tục khẳng định "Khẩu hiệu cách mệnh phản đế; cách mạng giải phóng dân tộc cao hơn và thiết dụng hơn". Đồng thời, Hội nghị nhấn mạnh việc duy trì và phát triển lực lượng vũ trang Bắc Sơn, thành lập các đội du kích, và xây dựng căn cứ địa cách mạng, đặc biệt là vùng Bắc Sơn, Võ Nhai. Quan niệm về "Mặt trận Dân tộc thống nhất phản đế" được mở rộng hơn nữa, bao gồm sự liên minh giữa các lực lượng cách mạng phản đế không phân biệt giai cấp, đảng phái, dân tộc, tôn giáo.

**Mức độ khắc phục hạn chế:** Hội nghị tiếp tục củng cố sự ưu tiên nhiệm vụ giải phóng dân tộc và mở rộng hơn nữa về lực lượng cách mạng. Tuy nhiên, vẫn còn sự giằng co trong nhận thức về mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ phản đế và phản phong, khi vẫn còn quan điểm "Cách mạng phản đế và cách mạng thổ địa phải đồng thời tiến, không thể cái làm trước cái làm sau", chưa hoàn toàn thống nhất với tinh thần "tạm gác" của Hội nghị 6. Phạm vi vẫn là Đông Dương.

1. **Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 8 (5-1941):**

**Điểm mới:** Đây là hội nghị mang tính quyết định, hoàn chỉnh đường lối giải phóng dân tộc. Hội nghị khẳng định nhiệm vụ chủ yếu trước mắt là giải phóng dân tộc, là nhiệm vụ cấp bách nhất của cách mạng Việt Nam. Việc chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang được xác định là nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng và toàn dân. Khẩu hiệu cách mạng ruộng đất được tạm gác hoàn toàn, thay bằng khẩu hiệu giảm tô, giảm thuế, chia lại ruộng công. Về lực lượng, Hội nghị quyết định thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (Việt Minh) thay cho Mặt trận Thống nhất phản đế Đông Dương, tập hợp mọi lực lượng yêu nước không phân biệt giai cấp, đảng phái, tôn giáo. Đặc biệt quan trọng, Hội nghị quyết định giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước Đông Dương, thực hiện quyền dân tộc tự quyết, thay vì toàn Đông Dương như trước.

**Mức độ khắc phục hạn chế:** Hội nghị 8 đã hoàn chỉnh sự chuyển hướng chiến lược và sách lược đề ra từ Hội nghị Trung ương 11/1939. Hội nghị đã khắc phục triệt để hạn chế của Luận cương chính trị tháng 10 năm 1930 về việc đặt nặng vấn đề giai cấp và phạm vi cách mạng. Nó thể hiện sự độc lập, tự chủ cao trong đường lối của Đảng.

1. **Nhận thức của Đảng, điểm mới và mức độ khắc phục hạn chế:**

*Về nhiệm vụ cách mạng,*Chuyển từ việc tập trung vào các yêu sách dân chủ, dân sinh (1936-1939) sang trực tiếp đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu và là nhiệm vụ cấp bách nhất. Việc chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang được xác định là nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng và toàn dân. Khẩu hiệu cách mạng ruộng đất được tạm gác hoàn toàn, thay bằng các hình thức giảm tô, giảm thuế để thu hút rộng rãi nông dân.

*Về tập hợp lực lượng cách mạng,*Khái niệm mặt trận thống nhất được mở rộng triệt để hơn nữa với việc thành lập Mặt trận Việt Minh. Mặt trận này bao gồm tất cả các lực lượng yêu nước, không phân biệt giai cấp, đảng phái, tôn giáo, miễn là có tinh thần chống Pháp, Nhật để giành độc lập dân tộc. Điều này khắc phục triệt để hạn chế về lực lượng hẹp hòi của giai đoạn trước.

*Về phạm vi giải quyết vấn đề dân tộc,*Chuyển biến quan trọng nhất là việc xác định giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước Đông Dương (đặc biệt là Việt Nam), thay vì toàn Đông Dương như các giai đoạn trước. Điều này thể hiện sự độc lập, tự chủ cao trong đường lối của Đảng.

Giai đoạn này đánh dấu sự trưởng thành đầy đủ trong tư duy chiến lược của Đảng, ưu tiên độc lập dân tộc trên hết và điều chỉnh cách tiếp cận cách mạng phù hợp với các điều kiện quốc gia cụ thể. Sự chuyển đổi này là kết quả trực tiếp của việc học hỏi từ những kinh nghiệm trong quá khứ và thích nghi với cuộc xung đột toàn cầu đang leo thang, tạo ra một cơ hội duy nhất cho công cuộc giải phóng dân tộc.

**TỔNG KẾT (1930-1945)**

Quá trình hoàn chỉnh đường lối cách mạng giải phóng dân tộc của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1930 đến 1945 là một hành trình đầy gian nan nhưng cũng đầy sáng tạo, thể hiện bản lĩnh và trí tuệ của Đảng.

1. **Về nhiệm vụ cách mạng có bước chuyển biến ra sao từ 1930-1945**

Từ năm 1930 đến 1945, nhiệm vụ cách mạng của Đảng đã có sự chuyển biến rõ rệt:

***Giai đoạn 1930-1935 (Luận cương chính trị 10/1930 và Đại hội I 3/1935):*** Nhiệm vụ chiến lược là cách mạng tư sản dân quyền, với hai nhiệm vụ phản đế và phản phong kiến được đặt ngang hàng. Mặc dù Đại hội I tập trung củng cố Đảng và thu phục quần chúng, nhưng về cơ bản, sự ưu tiên nhiệm vụ dân tộc chưa rõ nét.

***Giai đoạn 1936-1939 (Chủ trương 7/1936 và "Chung quanh vấn đề chiến sách mới" 10/1936):*** Đảng chuyển sang ưu tiên đấu tranh đòi quyền dân chủ, dân sinh, chống phát xít, chống chiến tranh. Đặc biệt, văn kiện tháng 10/1936 đã khẳng định sự ưu tiên nhiệm vụ giải phóng dân tộc, sẵn sàng tạm gác nhiệm vụ ruộng đất nếu nó cản trở nhiệm vụ phản đế. Đây là một bước chuyển biến quan trọng trong việc nhận thức mâu thuẫn chủ yếu.

***Giai đoạn 1939-1945 (Hội nghị TW 6, 7, 8):*** Nhiệm vụ giải phóng dân tộc được đặt lên hàng đầu, là nhiệm vụ cấp bách và duy nhất của cách mạng. Việc chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang trở thành nhiệm vụ trung tâm. Khẩu hiệu cách mạng ruộng đất được tạm gác hoàn toàn, thay bằng các khẩu hiệu dân chủ tối thiểu như giảm tô, giảm thuế.

1. **Về Lực lượng cách mạng có bước chuyển biến ra sao từ 1930-1945**

Lực lượng cách mạng cũng có sự mở rộng và hoàn thiện:

***Giai đoạn 1930-1935:*** Lực lượng cách mạng chủ yếu tập trung vào công nhân và nông dân, mang tính hẹp hòi, chưa phát huy được khả năng của các tầng lớp khác.

***Giai đoạn 1936-1939:*** Đảng chủ trương xây dựng Mặt trận Dân chủ Đông Dương, mở rộng lực lượng bao gồm các tầng lớp trung gian, tư sản dân tộc, tiểu tư sản, không chỉ giới hạn ở công nông.

***Giai đoạn 1939-1945:*** Với sự ra đời của Mặt trận Việt Minh (5/1941), lực lượng cách mạng được mở rộng tối đa, bao gồm tất cả các tầng lớp, giai cấp, đảng phái, tôn giáo, dân tộc, miễn là có tinh thần yêu nước, chống Pháp, Nhật để giành độc lập dân tộc. Điều này thể hiện sự đoàn kết toàn dân tộc dưới ngọn cờ giải phóng.

1. **Về phạm vi giải quyết vấn đề dân tộc có bước chuyển biến ra sao từ 1930-1945**

Phạm vi giải quyết vấn đề dân tộc cũng có sự điều chỉnh quan trọng:

***Giai đoạn 1930-1940:*** Các văn kiện của Đảng (Luận cương 10/1930, Đại hội I 3/1935, các chủ trương 1936-1939, Hội nghị TW 6 và 7) đều xác định phạm vi cách mạng là toàn Đông Dương, hướng tới "Đông Dương hoàn toàn độc lập".

***Giai đoạn 1941-1945 (Hội nghị TW 8 5/1941)***: Đảng quyết định giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước Đông Dương, thực hiện quyền dân tộc tự quyết. Đây là sự chuyển biến mang tính đột phá, thể hiện sự độc lập, tự chủ của Đảng trong việc xác định con đường cho cách mạng Việt Nam.

**4. Việc hoàn chỉnh đường lối cách mạng Giải phóng dân tộc có giá trị gì đối với cách mạng Việt Nam?**

Việc hoàn chỉnh đường lối cách mạng giải phóng dân tộc của Đảng từ năm 1930 đến 1945 có giá trị to lớn, mang ý nghĩa quyết định đối với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa:

***Xác định đúng kẻ thù và nhiệm vụ chủ yếu,*** Đường lối đã xác định chính xác mâu thuẫn chủ yếu của xã hội Việt Nam là mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc với đế quốc xâm lược và tay sai, từ đó đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu. Điều này là then chốt để tập trung mọi nguồn lực cho mục tiêu cao cả nhất.

***Tập hợp được lực lượng toàn dân tộc****,* Nhờ đường lối đúng đắn về mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi (đặc biệt là Mặt trận Việt Minh), Đảng đã huy động được sức mạnh tổng hợp của mọi tầng lớp nhân dân, phát huy tối đa tinh thần yêu nước, tạo nên khối đại đoàn kết dân tộc chưa từng có.

***Chuẩn bị đầy đủ cho khởi nghĩa vũ trang****,* Đường lối đã chỉ rõ con đường đi lên khởi nghĩa vũ trang, từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa, đồng thời chú trọng xây dựng lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, xây dựng căn cứ địa cách mạng.

***Phát huy tính độc lập, tự chủ, sáng tạo****,* Quá trình hoàn chỉnh đường lối là quá trình Đảng vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, không giáo điều rập khuôn, thể hiện bản lĩnh chính trị và khả năng tự điều chỉnh, tự hoàn thiện.

**5. Bài học cần rút ra để có thể vận dụng trong hiện tại cho bản thân và cho sự phát triển của đất nước?**

Quá trình hoàn chỉnh đường lối cách mạng giải phóng dân tộc của Đảng từ 1930-1945 để lại nhiều bài học sâu sắc, có giá trị vận dụng trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước hiện nay:

***Bài học về nhận thức và bám sát thực tiễn****,* Luôn phải xuất phát từ thực tiễn khách quan của đất nước và thế giới để đề ra đường lối, chủ trương phù hợp. Tránh giáo điều, rập khuôn, đồng thời không ngừng tổng kết thực tiễn để bổ sung, phát triển lý luận. Đối với bản thân, điều này có nghĩa là không ngừng học hỏi, cập nhật kiến thức, và linh hoạt trong giải quyết vấn đề dựa trên tình hình cụ thể. Đối với đất nước, nó đòi hỏi sự điều chỉnh chính sách kinh tế, xã hội, đối ngoại để thích ứng với bối cảnh toàn cầu đang thay đổi nhanh chóng.

***Bài học về xác định mâu thuẫn chủ yếu và ưu tiên mục tiêu****,* Trong mỗi giai đoạn phát triển, cần xác định đúng mâu thuẫn cơ bản, chủ yếu để tập trung nguồn lực giải quyết. Trong bối cảnh hiện nay, việc ưu tiên phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân, giữ vững độc lập chủ quyền, và hội nhập quốc tế là những mục tiêu hàng đầu. Đối với cá nhân, điều này có nghĩa là đặt ra mục tiêu rõ ràng và ưu tiên những nhiệm vụ quan trọng nhất để đạt được thành công.

***Bài học về đại đoàn kết dân tộc****,* Sức mạnh của dân tộc nằm ở sự đoàn kết. Trong công cuộc xây dựng đất nước, cần tiếp tục phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tập hợp mọi tầng lớp, thành phần xã hội, phát huy mọi nguồn lực cho mục tiêu chung. Đối với bản thân, điều này nhấn mạnh tầm quan trọng của tinh thần đồng đội, hợp tác. Đối với đất nước, nó là nền tảng để vượt qua mọi thách thức, phát triển bền vững.

***Bài học về sự linh hoạt và sáng tạo trong sách lược****,* Không ngừng đổi mới phương pháp, hình thức để đạt được mục tiêu chiến lược. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, cần linh hoạt trong chính sách đối ngoại, đa dạng hóa quan hệ, tranh thủ thời cơ và vượt qua thách thức. Đối với cá nhân, điều này thúc đẩy tư duy sáng tạo, khả năng thích nghi và giải quyết vấn đề hiệu quả. Đối với đất nước, nó là chìa khóa để phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập thành công.

***Bài học về vai trò lãnh đạo của Đảng****,* Quá trình hoàn chỉnh đường lối cũng minh chứng vai trò lãnh đạo không thể thiếu của Đảng Cộng sản Việt Nam. Để tiếp tục lãnh đạo thành công, Đảng cần không ngừng tự chỉnh đốn, nâng cao năng lực cầm quyền, giữ vững bản chất tiên phong, gắn bó mật thiết với nhân dân.

# **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Chung Nguyễn. (2022). *Giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc – cơ sở cho thắng lợi của Cách mạng tháng Tám và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa*.
2. Tạp chí Lịch sử Đảng. (n.d.). *Chủ trương của Đảng Cộng sản Đông Dương trong xây dựng lực lượng cách mạng giai đoạn 1936–1939*. <https://tapchilichsudang.vn/chu-truong-cua-dang-cong-san-dong-duong-trong-xay-dung-luc-luong-cach-mang-giai-doan-1936-1939.html>
3. Đảng Cộng sản Đông Dương. (2019). *Văn kiện Đảng toàn tập – Tập 6*. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/book/van-kien-dang-toan-tap/van-kien-dang-toan-tap-tap-6-86>
4. Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn. (2016). *Hà Huy Tập – 18 tháng trên cương vị Tổng Bí thư của Đảng*. <https://ussh.vnu.edu.vn/vi/news/nhan-vat-su-kien/ha-huy-tap-18-thang-tren-cuong-vi-tong-bi-thu-cua-dang-13719.html>
5. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. (n.d.). *Lịch sử biên niên Đảng Cộng sản Việt Nam – Tập 2*. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/book/lich-su-dang/lich-su-bien-nien-dang-cong-san-viet-nam-tap-2-175>

1. Đảng Cộng sản Đông Dương. (2019). *Văn kiện Đảng toàn tập – Tập 6* (tr. 152). Nhà xuất bản Chính trị quốc gia – Sự thật. [https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/Uploads/2019/](https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/Uploads/2019/3/5/12/VK%20Dang%20TT%20-%20Tap%206.pdf) [↑](#footnote-ref-1)
2. Đảng Cộng sản Đông Dương. (2019). *Văn kiện Đảng toàn tập – Tập 6* (tr. 152). Nhà xuất bản Chính trị quốc gia – Sự thật. [https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/Uploads/2019/](https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/Uploads/2019/3/5/12/VK%20Dang%20TT%20-%20Tap%206.pdf) [↑](#footnote-ref-2)
3. Đảng Cộng sản Đông Dương. (2019). *Văn kiện Đảng toàn tập – Tập 6* (tr.539). Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật. [https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/Uploads/2019/](https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/Uploads/2019/3/5/12/VK%20Dang%20TT%20-%20Tap%206.pdf) [↑](#footnote-ref-3)
4. Đảng Cộng sản Đông Dương. (2019). *Văn kiện Đảng toàn tập – Tập 6* (tr.539). Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật. [https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/Uploads/2019/](https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/Uploads/2019/3/5/12/VK%20Dang%20TT%20-%20Tap%206.pdf) [↑](#footnote-ref-4)
5. Đảng Cộng sản Đông Dương. (2019). *Văn kiện Đảng toàn tập – Tập 6* (tr. 542). Nhà xuất bản Chính trị quốc gia – Sự thật. [https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/Uploads/2019/](https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/Uploads/2019/3/5/12/VK%20Dang%20TT%20-%20Tap%206.pdf) [↑](#footnote-ref-5)
6. Đảng Cộng sản Đông Dương. (2019). *Văn kiện Đảng toàn tập – Tập 6* (tr. 541). Nhà xuất bản Chính trị quốc gia – Sự thật. [https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/Uploads/2019/](https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/Uploads/2019/3/5/12/VK%20Dang%20TT%20-%20Tap%206.pdf) [↑](#footnote-ref-6)
7. Onthisinhvien. (2023, October 9). *So sánh sự chuyển đổi đường lối cách mạng của Đảng 1936–1939 và 1939 –1945*.<https://onthisinhvien.com/so-sanh-su-chuyen-doi-duong-loi-cach-mang-cua-dang-1936-1939-va-1939-1945> [↑](#footnote-ref-7)